

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Như Quỳnh
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI
PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG TRANG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đặng Như Quỳnh
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Hòa Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG – 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Như Quỳnh

Mã SV: 1113401015

Lớp: QTL501k

Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và
xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trung Trang

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 19 tháng 06 năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1:NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	2
1.1.2. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	2
1.1.2.1. Doanh thu.	2
1.1.2.2. Chi phí.	7
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	9
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.(Theo quyết định số 48)	10
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	10
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.	10
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.	10
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán.	11
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	13
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.	13
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.	13
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán.	14
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	15
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.	15
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.	15
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.	17
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh..	19
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.	19
1.2.4.2.Tài khoản sử dụng.....	19

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.	19
1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.	21
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.	21
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.	21
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.	22
1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	24
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.	24
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.	24
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.	24
1.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	26
1.2.7.1. Chứng từ sử dụng.	26
1.2.7.2. Tài khoản sử dụng.	26
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán.	26
1.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	27
1.2.8.1. Chứng từ sử dụng.	27
1.2.8.2. Tài khoản sử dụng.	27
1.2.8.3. Phương pháp hạch toán.	27
1.3. Tổ chức sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	28
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.	28
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.	30
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.	31
1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ.	32
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.	33
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG TRANG.	35
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Trung Trang.	35
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty trách TNHH Trung Trang. .	35
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Trung Trang.	36
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH Trung Trang.	37
2.1.3.1. Cơ cấu bộ máy kế toán tại công ty.	37
2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại công ty.	38
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán tại công ty.	38
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán tại công ty.	38

2.1.3.5. Các chính sách và phương pháp kế toán tại công ty.	39
2.1.3.6. Hình thức sổ kế toán tại công ty.....	39
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.....	40
2.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Trung Trang.....	40
2.2.1.1. Phương thức bán hàng và thanh toán tại công ty.	40
2.2.1.2. Tài khoản và chứng từ sử dụng tại công ty.	41
2.2.1.3 Ví dụ minh họa.	42
2.2.2. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Trung Trang.....	53
2.2.2.1. Nội dung của giá vốn hàng bán tại công ty.	53
2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng tại công ty.	53
2.2.2.3. Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty.	54
2.2.2.4. Ví dụ minh họa.	55
2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.	62
2.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng tại công ty.	62
2.2.3.2. Sổ sách sử dụng.....	62
2.2.3.3. Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty.	62
2.2.3.4 Ví dụ minh họa.	63
2.2.4. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Trung Trang.	68
2.2.4.1. Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty	68
2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng tại công ty.	68
2.2.4.3. Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty.	68
2.2.4.4. Ví dụ minh họa.	69
2.2.5. Tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TrungTrang.....	74
2.2.5.1. Nội dung của chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.	74
2.2.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng tại công ty.	74
2.2.5.3. Quy trình kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.	74
2.2.5.4 Ví dụ minh họa.....	75

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG TRANG	83
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trung Trang.	83
3.1.1. Ưu điểm.....	83
3.1.2. Hạn chế.....	85
3.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.	86
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.	86
3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.	87
3.2.3. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.	87
KẾT LUẬN	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO	98

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây nước ta đang trên đà phát triển, nền kinh tế nước ta đã và đang có sự chuyển biến một cách rõ rệt, rất nhiều những công ty lớn nhỏ được thành lập với nhiều hình thức khác nhau. Để có thể tồn tại và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin, đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, nhà đầu tư, các tổ chức tài chính,... Các thông tin này được kế toán trong công ty tập hợp, phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên ở các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Trung Trang nói riêng, với những kiến thức đã được trang bị ở nhà trường và sự giúp đỡ tận tình của Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Công ty TNHH Trung Trang, em đã lựa chọn đề tài: **"Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Trung Trang"** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Ngoài lời mở đầu và kết luận khóa luận gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.

Do phạm vi đề tài rộng, thời gian thực tế và kiến thức chưa có nhiều nên bài viết khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo, các cô chú, anh chị trong phòng kế toán để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động doanh nghiệp, từ đó tạo nên doanh thu cho doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm các khoản thu từ hoạt động khác mang lại.

Do vậy, doanh thu của doanh nghiệp có vai trò rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước như nộp các khoản thuế quy định. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, tham gia liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên trong trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo cho các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi đến phá sản.

Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp các thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.1. Doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng – Bộ

Tài chính:" Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong thời kì kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. "

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

+ Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:*

Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hoá đơn bán hàng và số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức gửi hàng cho khách:*

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển

giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- *Phương thức gửi đại lý, ký gửi:*

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hoá gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán, khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:*

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- *Phương thức hàng đổi hàng:*

Nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

- *Phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ:*

Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

❖ Doanh thu tiêu thụ nội bộ.

Là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới.

❖ Các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm:

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp trực tiếp,

được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- *Chiết khấu thương mại*: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

- *Giảm giá hàng bán*: là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

- *Các loại thuế phải nộp Nhà nước*:

+Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

+Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hoá được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới thì doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

+Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

❖ Doanh thu thuần.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính.

+*Doanh thu hoạt động tài chính gồm*:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ....
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

+ *Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
 - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
 - Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

❖ Thu nhập khác.

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Chi phí.

Chi phí là khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: giá vốn hàng bán, chi phí phí quản lý kinh doanh, chi phí tiền vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

- Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng...

❖ Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh phản ánh các khoản chi phí kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Chi phí bán hàng*: Là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

❖ Chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao

dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái.

❖ Chi phí khác.

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$✓ \text{ Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: là kết quả của những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: là kết quả được tính bằng thu nhập khác trừ chi phí khác.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính – Chi phí QLDN – Chi phí bán hàng

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,...đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các chi phí phát sinh, các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết và đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ cho việc lập báo cáo tài chính.
- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho Ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.(Theo quyết định số 48)

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.

❖ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 511 có bốn (4) tiểu khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

+ Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm

- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Ngoài ra, tài khoản 511 còn phản ánh doanh thu bán hàng nội bộ. Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

➤ Bên Nợ:

- + Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm trừ hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- + Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911.

➤ Bên Có:

- + Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

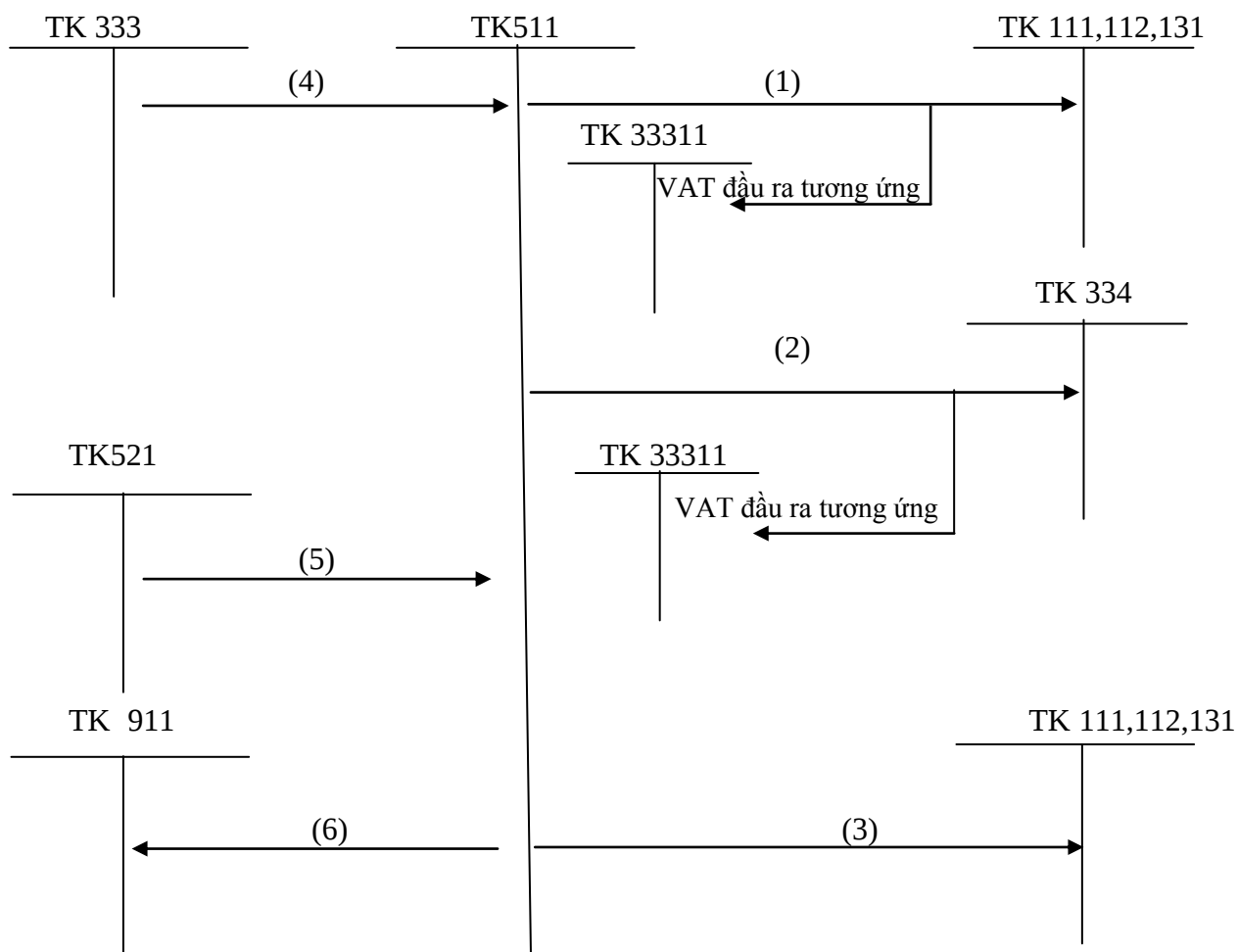
❖ Sổ sách sử dụng (áp dụng cho hình thức kế toán NKC)

- Sổ cái các TK 511
- Sổ chi tiết TK511
- Bảng tổng hợp chi tiết các TK511
- Nhật ký chung
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được khái quát bằng sơ đồ 1.1 như sau:

Sơ đồ 1.1: Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

- (1): Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ(đơn vị áp dụng VAT theo phương pháp khấu trừ)(Giá chưa VAT).
- (2): Trả lương cho nhân viên bằng sản phẩm.
- (3): Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ(đơn vị áp dụng VAT theo phương pháp trực tiếp)(Tổng giá thanh toán).
- (4): Cuối kỳ kết chuyển thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu xác định doanh thu thuần.
- (5): Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ.
- (6): Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần,xác định kết quả kinh doanh.

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.**

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi.
- Phiếu nhập kho.
- Giấy báo nợ của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.**❖ TK 5211 – Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo giá thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hàng cam kết mua, bán hàng).

➤ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

➤ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 5211 không có số dư cuối kỳ.**❖ TK 5212 – Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 6421 “Chi phí bán hàng”.

➤ Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

➤ Tài khoản 5212 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 5213– Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

➤ Bên Nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách, quy định trong hợp đồng kinh tế.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

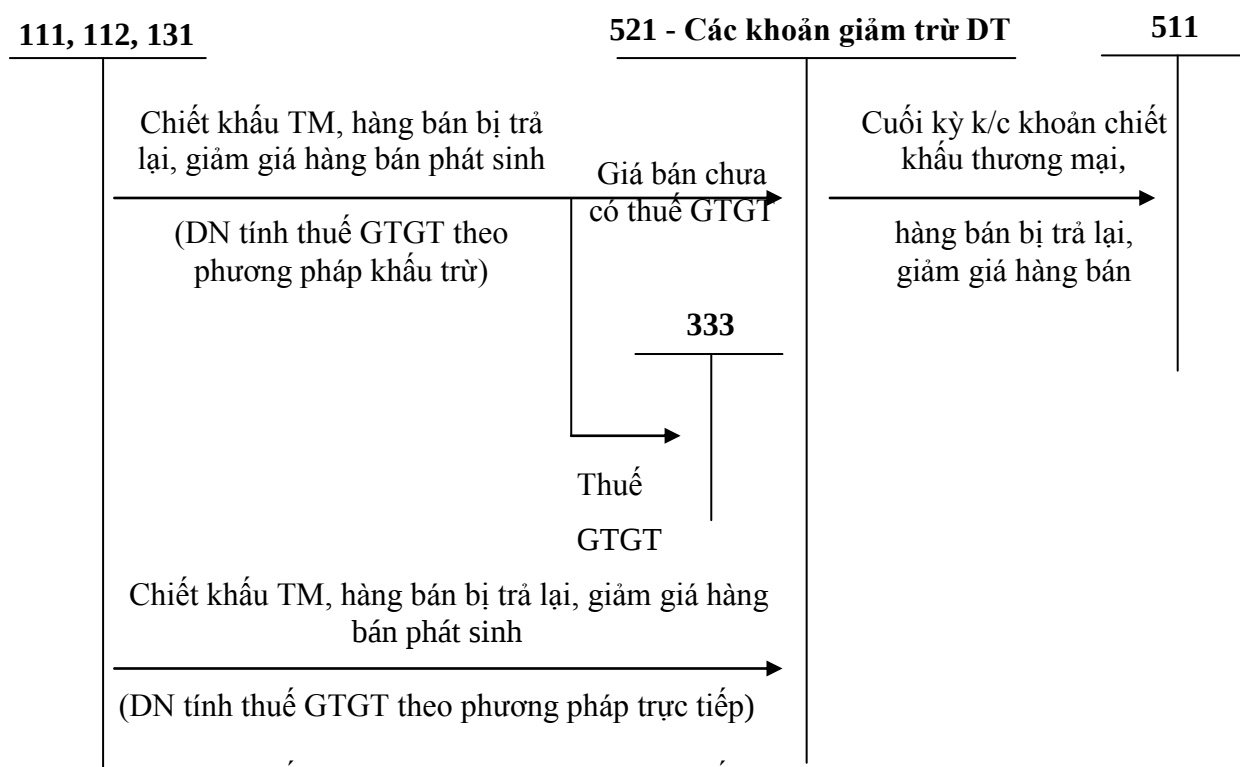
➤ Tài khoản 5213 không có số dư cuối kỳ.

☞ Ngoài ra còn sử dụng TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK3332), thuế xuất khẩu (TK3333).

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.2 như sau:

Sơ đồ 1.2: Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

❖ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên có kết cấu và nội dung phản ánh như sau:

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và cho phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

➤ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

☞ Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán còn sử dụng:

- TK 631 “Giá thành sản xuất”(đối với doanh nghiệp sản xuất)
- TK611 “Mua hàng”(đối với doanh nghiệp thương mại).

❖ Việc tính giá hàng xuất kho được áp dụng theo một trong bốn phương pháp sau:

- Phương pháp thực tế đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.
- Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc sau mỗi lần nhập hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

+Bình quân gia quyền theo thời kì:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập trong kì}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kì}}$$

+Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hàng:

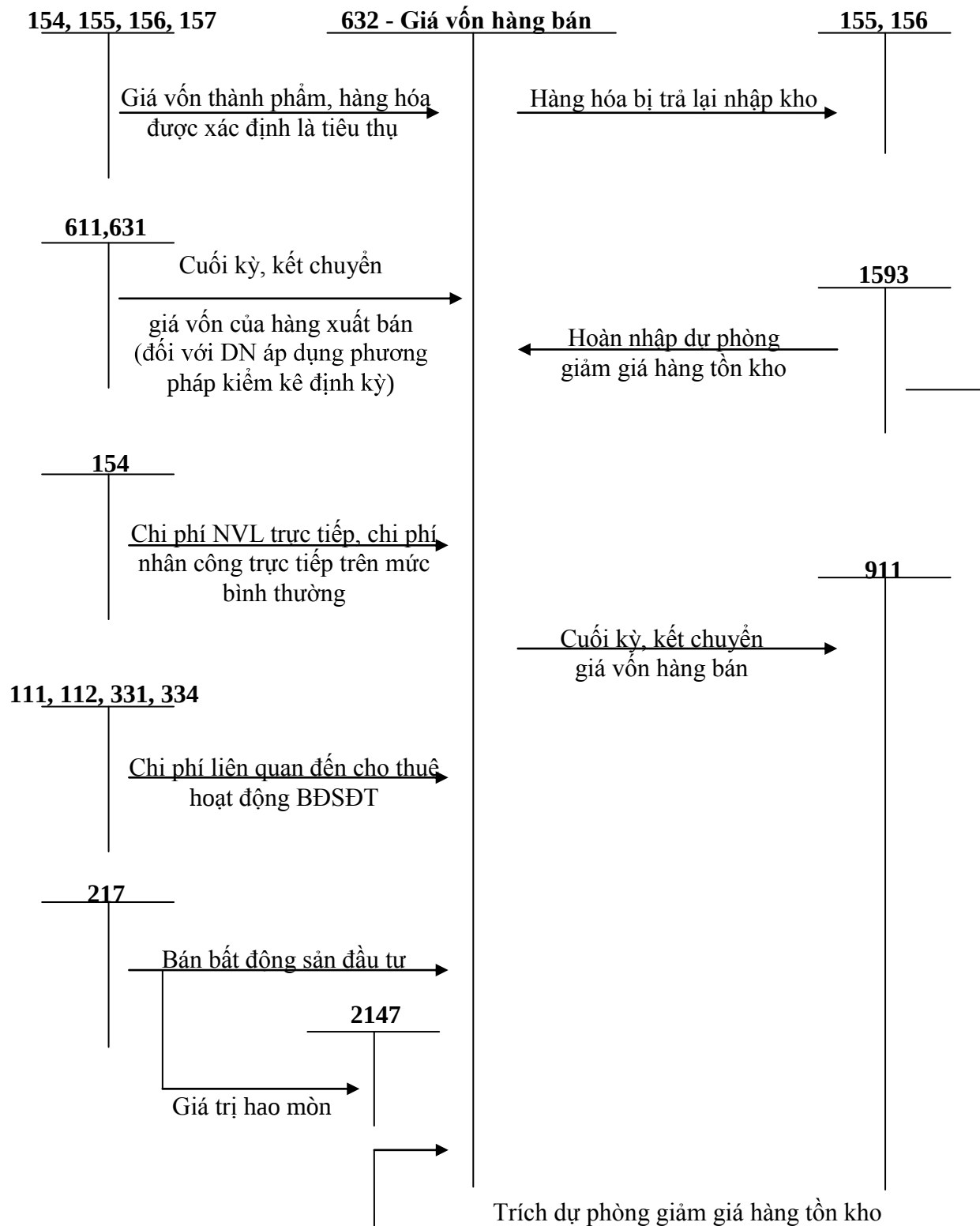
$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập trước lần xuất thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trước lần xuất thứ } i}$$

- Phương pháp nhập trước – xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.
- Phương pháp nhập sau – xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ của tồn kho.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp kế toán giá vốn hàng bán được khái quát bằng sơ đồ 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.3: Phương pháp kế toán giá vốn hàng bán



1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh..

Tuỳ theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng đơn vị TK 642 có thể mở chi tiết theo từng loại chi phí như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tiền lương.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.**❖ TK 6421 – Chi phí bán hàng**

Tài khoản này được dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Bên Nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Bên Có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Tài khoản 6421 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

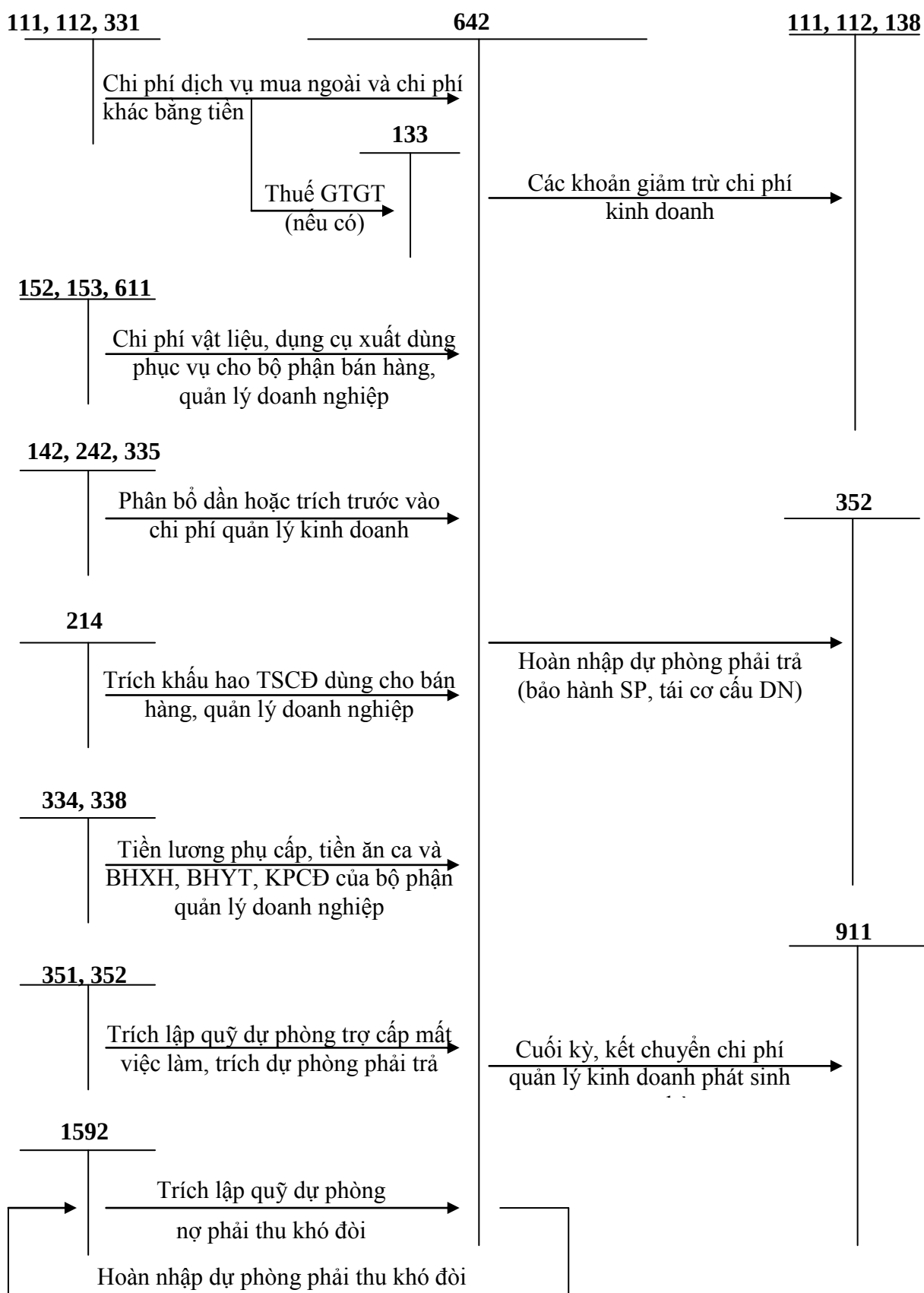
Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

- Bên Nợ:
 - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
 - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
 - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.
- Bên Có:
 - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
 - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 6422 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp kế toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Phương pháp kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.**1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.**❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

❖ TK 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động.

➤ Bên Nợ:

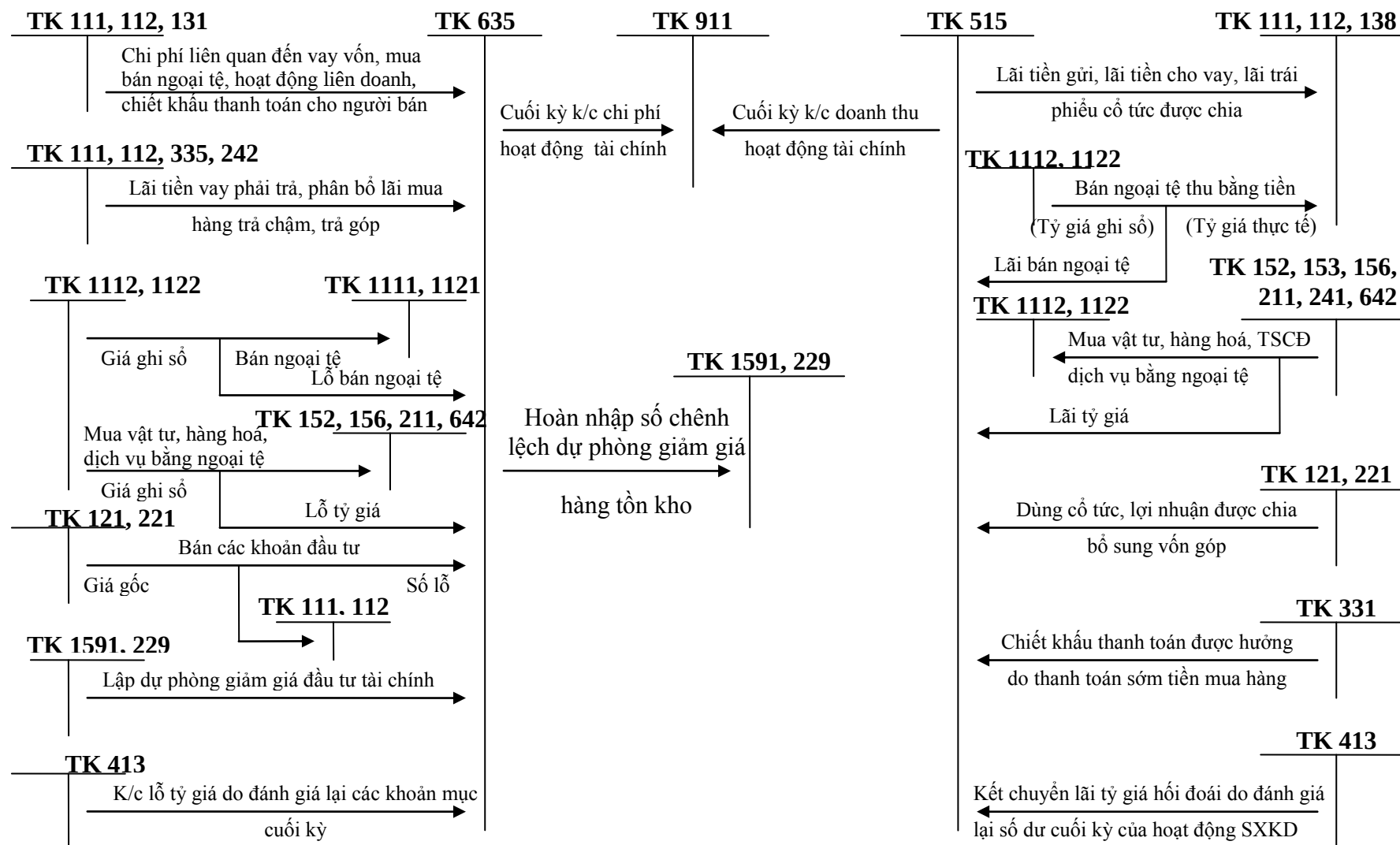
- Chi phí tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.

- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Bên Có:
 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
 - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính lần lượt được khái quát bằng sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.



1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.**1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.**❖ TK 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.**➤ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.****❖ TK 811 – Chi phí khác**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

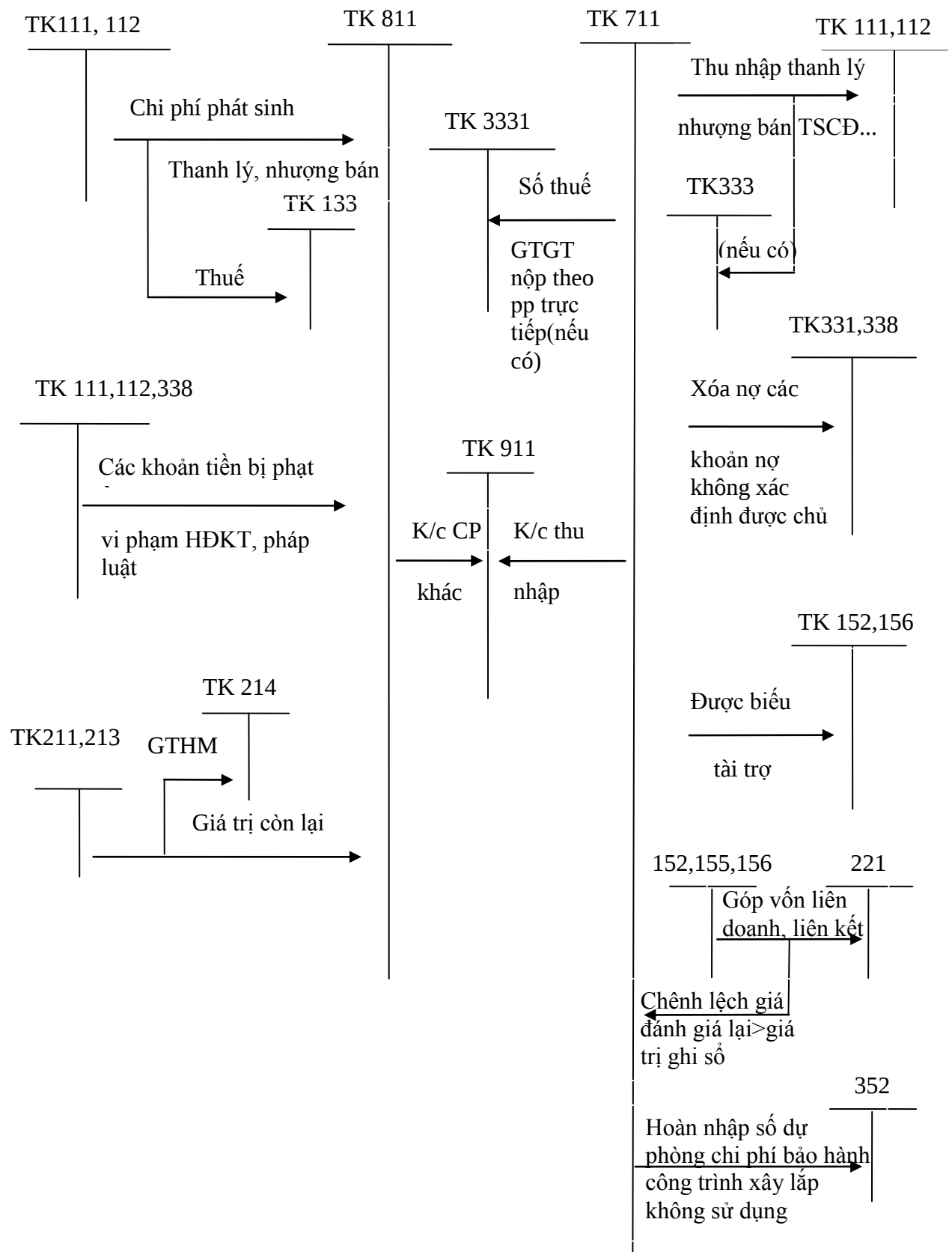
➤ Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp kế toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát bằng sơ đồ 1.6 như sau:

Sơ đồ 1.6: Phương pháp kế toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán.

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng.

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp(chi phí thuế TNDN)

Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi) được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

➤ Bên Nợ:

- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

➤ Bên Có:

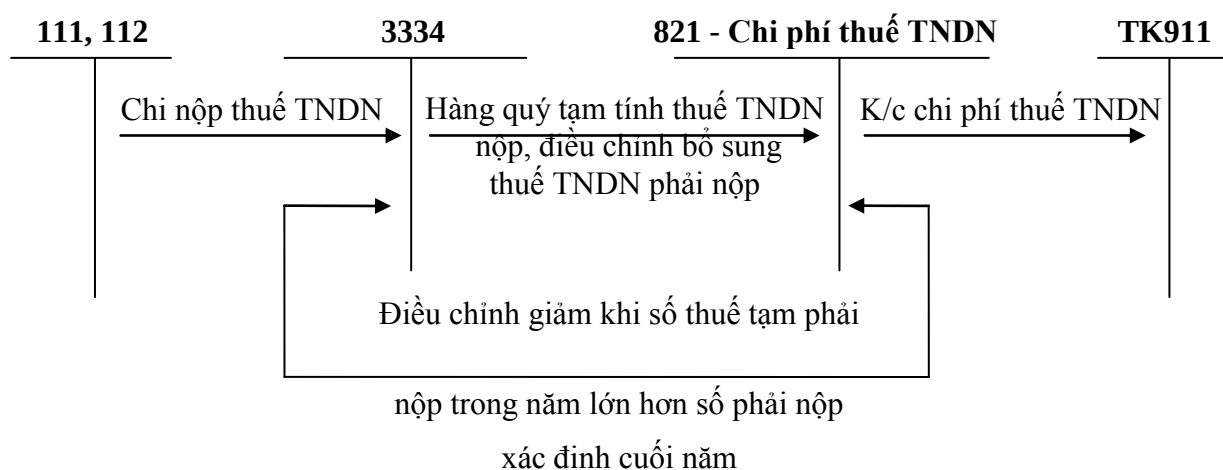
- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn so với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm.
- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ TK 911“ Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

1.2.7.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp kế toán chi phí thuế TNDN khái quát bằng sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7: Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



1.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**1.2.8.1. Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu kế toán.

1.2.8.2. Tài khoản sử dụng.

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN.

➤ Bên Có:

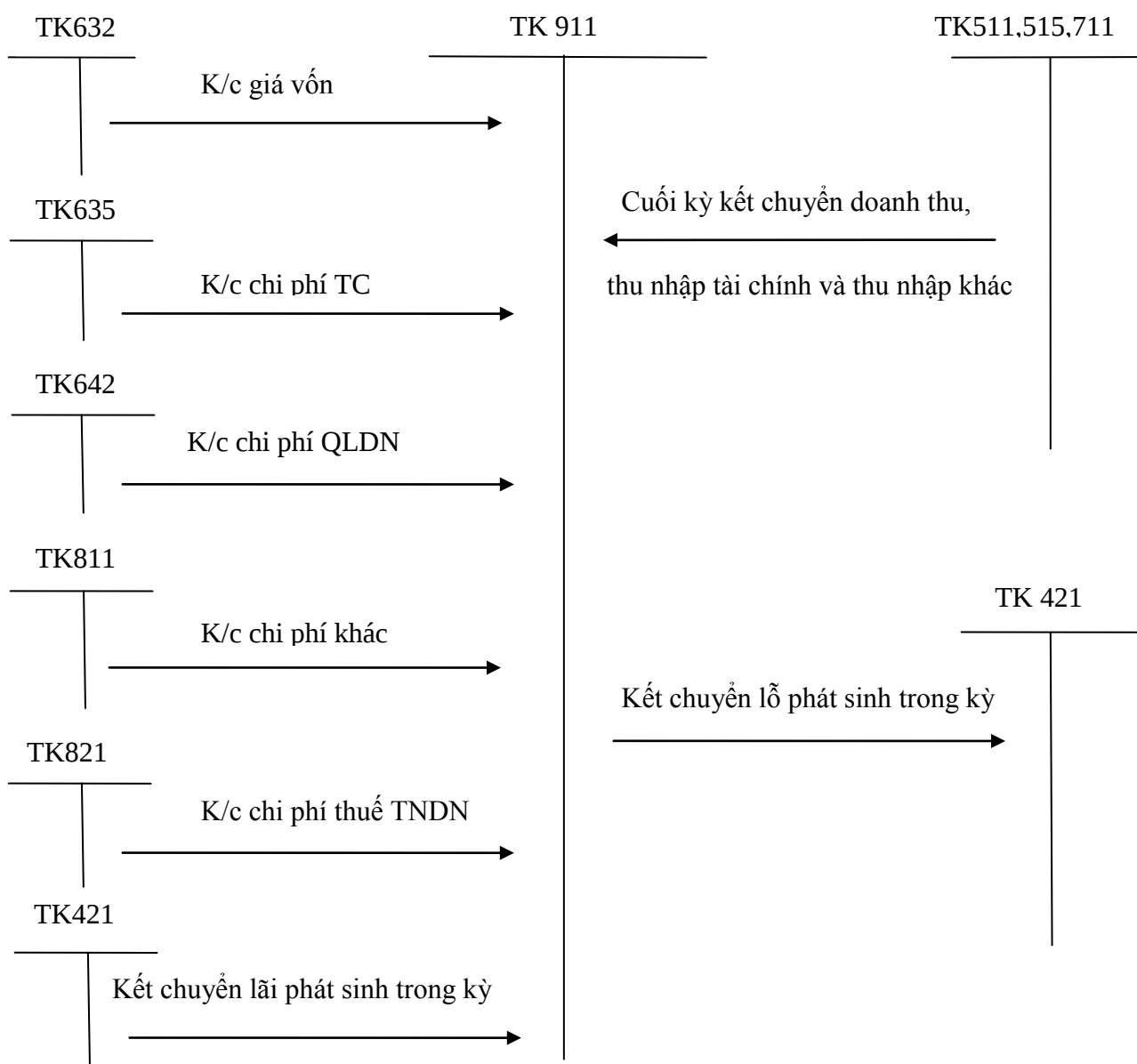
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

➤ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.8.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.8 như sau:

Sơ đồ 1.8: Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

❖ *Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:*

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.
- Sổ Cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

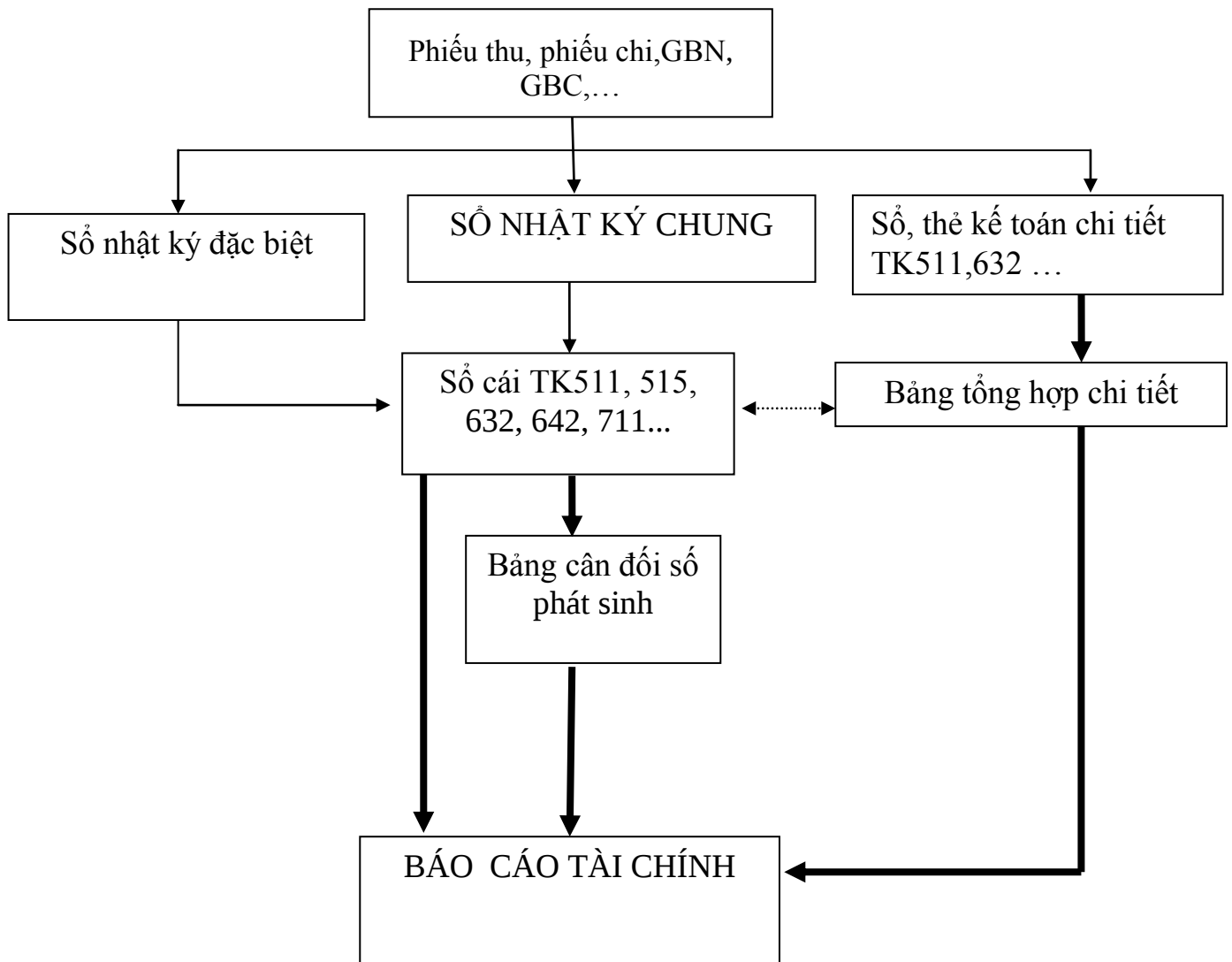
❖ *Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung.*

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều

phải được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Quy trình hạch toán theo hình thức Sổ Nhật ký chung thể hiện qua sơ đồ 1.9 như sau:

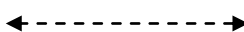
Sơ đồ 1.9: Hình thức Sổ Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng hoặc định kì: 

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: 

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái .

❖ Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các sổ:

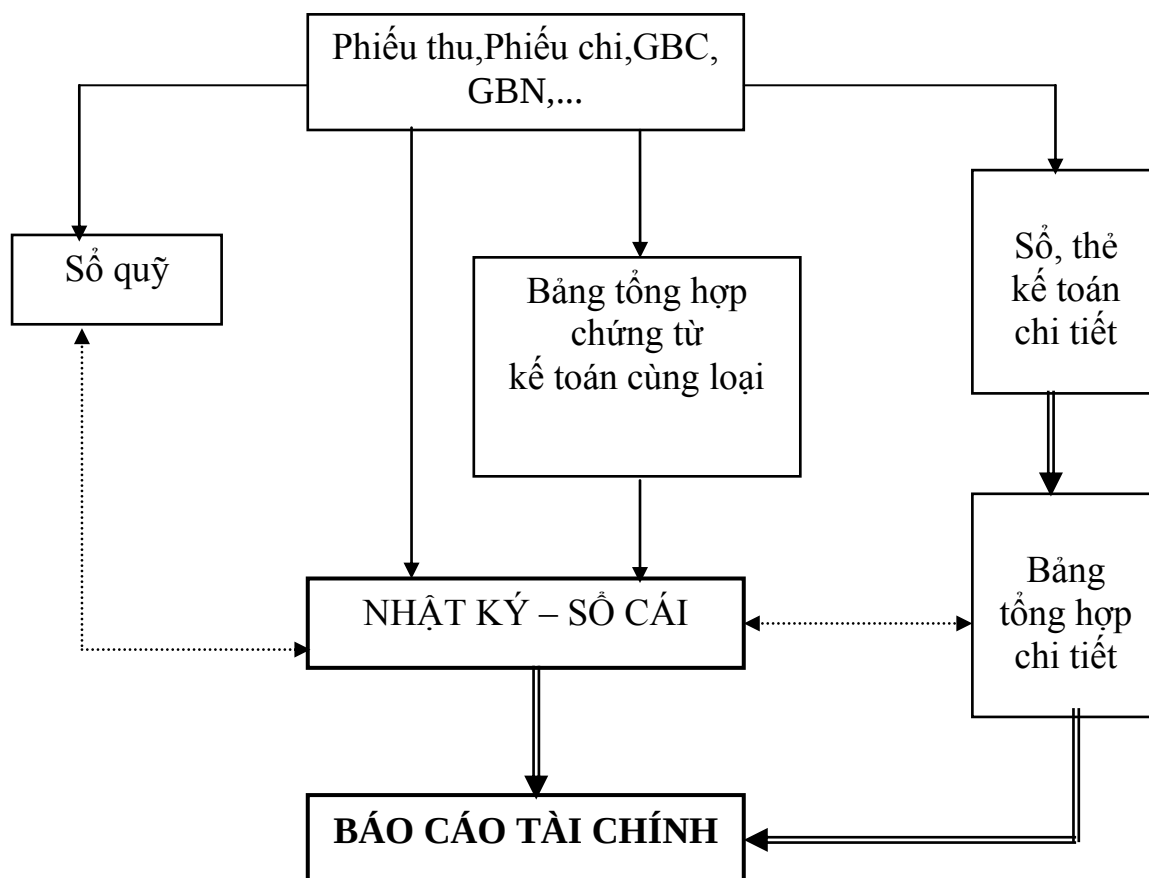
- Nhật ký – Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ Đặc trưng cơ bản:

Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

Quy trình hạch toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái được thể hiện qua sơ đồ 1.10 như sau:

Sơ đồ 1.10: Hình thức Sổ Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

❖ *Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các sổ:*

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ *Đặc trưng cơ bản:*

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

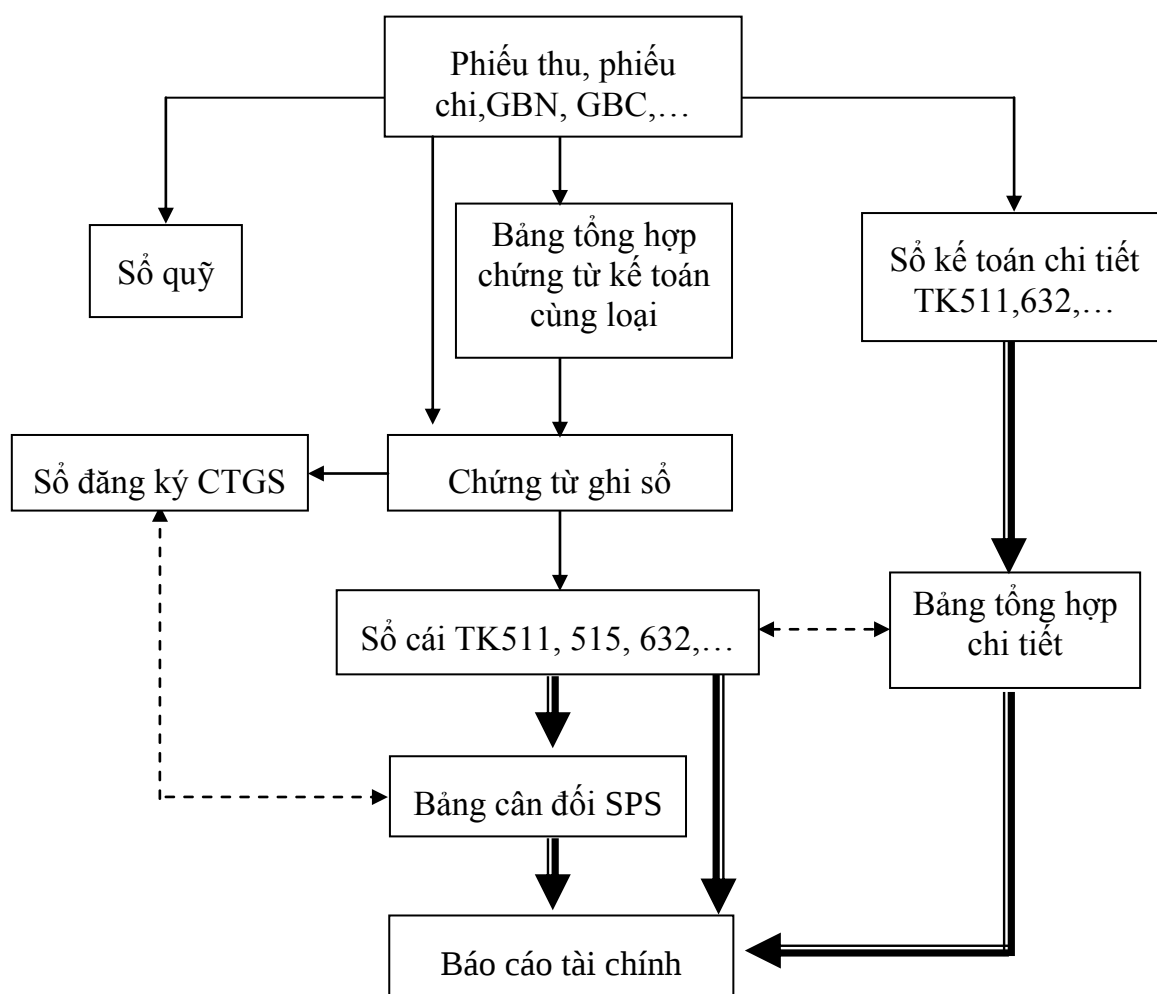
- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

Quy trình hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ sơ đồ 1.11 như sau:

Sơ đồ 1.11: Hình thức Sổ Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ.

❖ *Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm các sổ:*

- Nhật ký chứng từ.
- Bảng kê.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ *Đặc trưng cơ bản:*

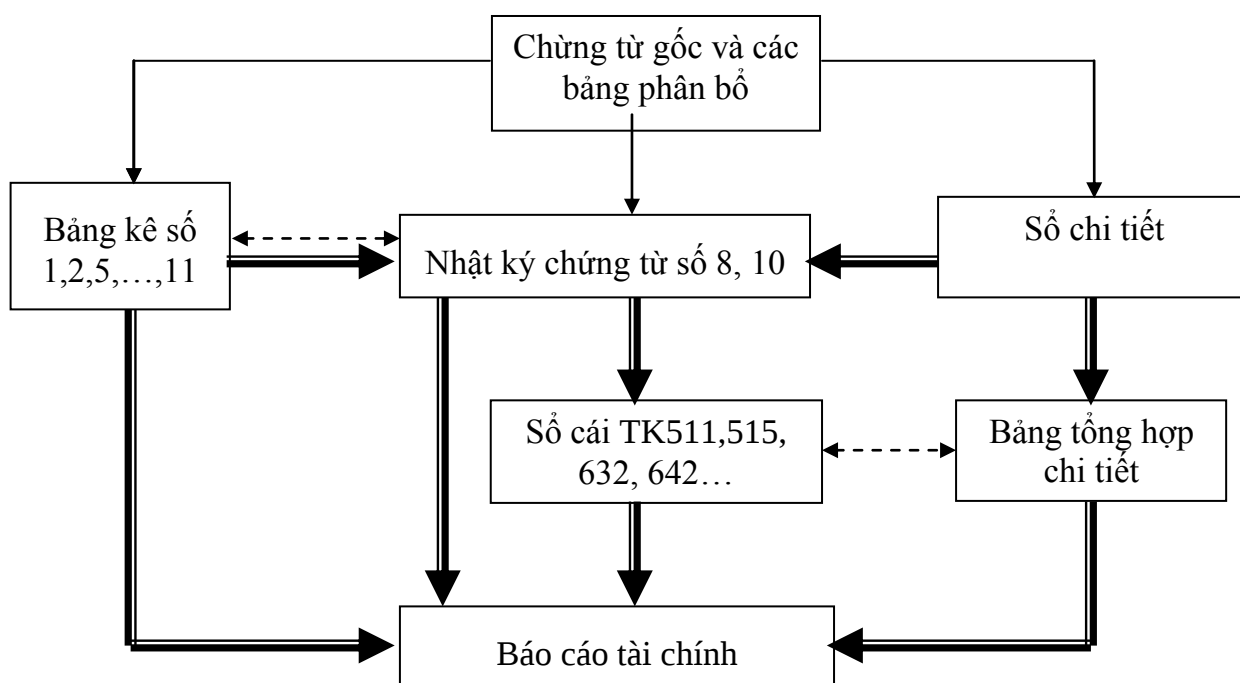
- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các

tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đứng nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quy trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ ghi sẵn các quan hệ đứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ sơ đồ 1.12 như sau:

Sơ đồ 1.12: Hình thức Sổ Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

❖ *Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:*

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

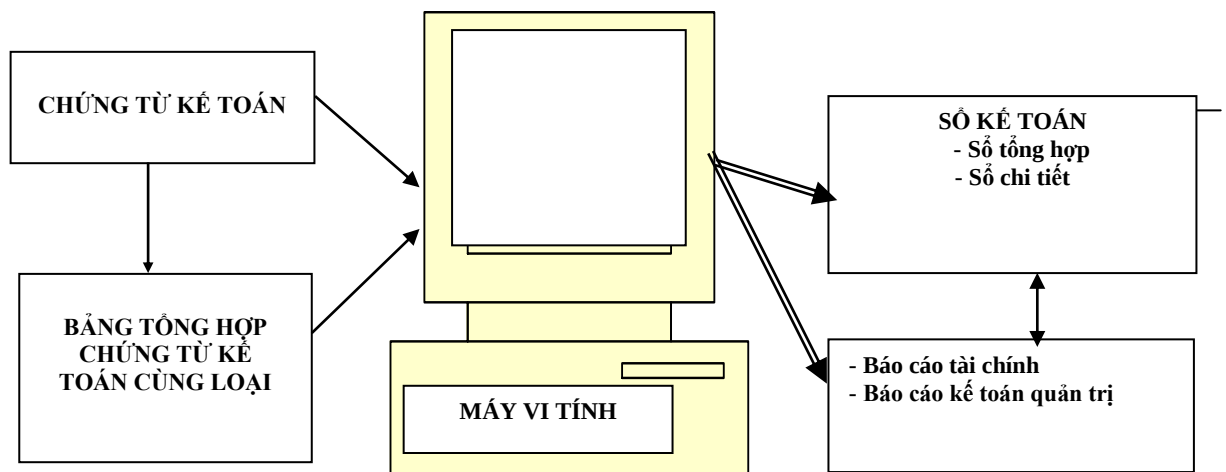
❖ *Đặc trưng cơ bản:*

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán

được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

Quy trình hạch toán theo hình thức Kế toán trên máy vi tính sơ đồ 1.13 như sau:

Sơ đồ 1.13: Hình thức Sổ Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày $\longrightarrow$

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG TRANG.

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Trung Trang.

2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của Công ty trách TNHH Trung Trang.*

Công ty TNHH Trung Trang được thành lập ngày theo giấy phép kinh doanh số 0202002794, cấp ngày 01/07/2005 và sửa đổi bổ sung lần 4 vào ngày 12/08/2008 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của toàn thành phố.

Tên giao dịch: Công ty trách nhiệm hữu hạn Trung Trang

Tên viết tắt: Công ty TNHH Trung Trang

Tên tiếng anh: TRUNG TRANG COMPANY LIMITED

Người đại diện: Đỗ Văn Tuấn

Mã số thuế: 0200636723

Số điện thoại: 031.3956233

Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam –Lê Chân -Hải Phòng

Công ty TNHH Trung Trang là công ty TNHH có hai thành viên trở lên, số lượng thành viên không vượt quá 20, có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính, tự trách nhiệm về kết quả kinh doanh, không được phép phát hành cổ phiếu.

Các thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty.

Công ty là một tổ chức kinh tế hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trải qua 7 năm hình thành và phát triển, công ty đã và đang đạt được những bước đột phá cả về chất lượng cũng như quy mô và không ngừng mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình. Công ty trách nhiệm hữu hạn Trung Trang luôn ưu tiên chọn những sản phẩm của nhà sản xuất có

chứng chỉ ISO-9000 hoặc một hệ thống quản lý chất lượng tương đương, tối thiểu là nhà sản xuất có hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.

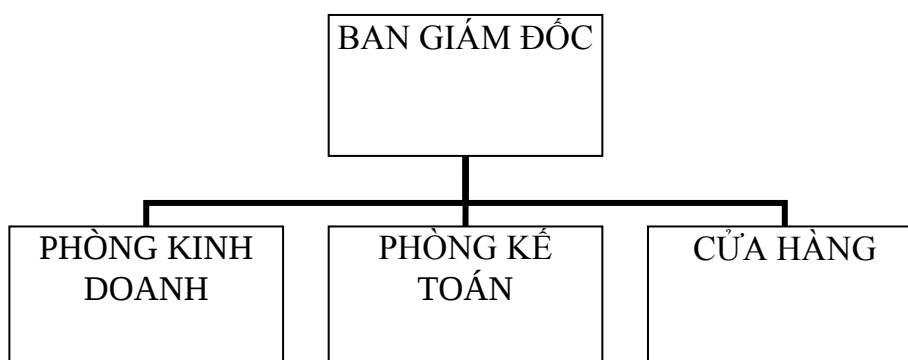
Ngành nghề kinh doanh chính của công ty: cung cấp các sản phẩm về sơn và các vật liệu kèm theo cho nội thất nhà cửa, các công trình kiến trúc lớn ...

Công ty luôn coi trọng chất lượng sản phẩm, dịch vụ là nền tảng cho sự lớn mạnh của công ty, để làm được điều đó ban lãnh đạo công ty đã không ngừng đầu tư các phương tiện hiện đại để có thể đáp ứng các nhu cầu khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo chất lượng trong mọi hoàn cảnh. Chính nhờ có chiến lược rõ ràng, mà hiện nay công ty đã xây dựng cho mình một thương hiệu có uy tín không chỉ trong địa bàn thành phố mà còn mở rộng trong cả nước.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Trung Trang.

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Căn cứ vào quy trình tình hình thực tế của công ty TNHH Trung Trang tổ chức bộ máy kinh doanh quản lý theo hình thức trực tuyến sơ đồ 2.1 như sau:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy kinh doanh tại công ty.



Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:

- Ban giám đốc: giám đốc là người đứng đầu bộ máy quản lý của công ty, có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.

-Phòng kinh doanh: có trách nhiệm theo dõi mọi hoạt động kinh doanh của công ty, tiến hành lập kế hoạch và tổ chức bán buôn trực tiếp hàng hóa dịch vụ, đồng thời tư vấn cho giám đốc về phương hướng tổ chức kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ.

-Phòng kế toán: có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin kế toán, hướng dẫn chỉ đạo các bộ phận thực hiện chế độ ghi chép ban đầu theo đúng quy định. Tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính, đồng thời tham mưu cho giám đốc về lĩnh vực quản lý tài chính.

- Cửa hàng: có chức năng quản lý và cung cấp các loại mặt hàng hóa cùng với thông tin kinh tế, giá cả thị trường để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng về cả mặt chất lượng và số lượng.

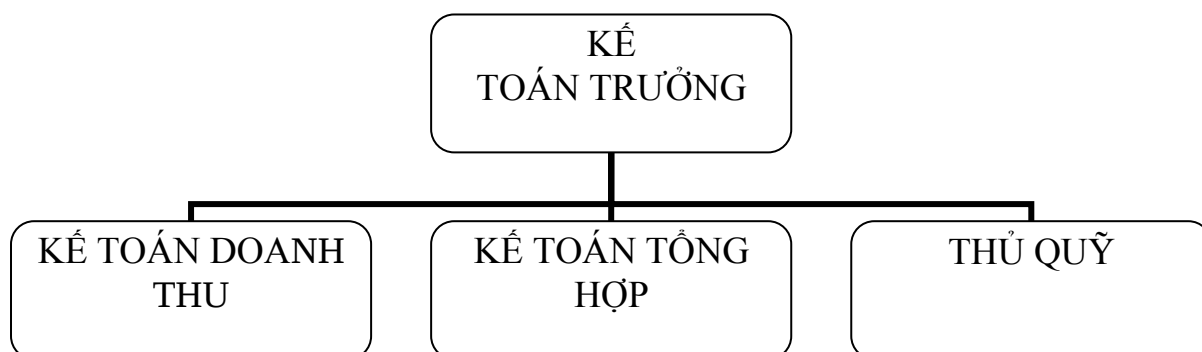
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH Trung Trang.

2.1.3.1. Cơ cấu bộ máy kế toán tại công ty.

Tổ chức công tác kế toán bao gồm việc xây dựng các quy trình hạch toán, phân công quy định mối liên hệ giải quyết công việc giữa các nhân viên kế toán cũng như với các bộ phận khác trong doanh nghiệp. Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ để thực hiện tốt công tác hạch toán, quản lý tốt tài sản, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho quản lý với chi phí thấp nhất luôn là mong muốn của nhà quản lý.

Công ty TNHH Trung Trang tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, theo mô hình này doanh nghiệp chỉ có 1 phòng kế toán duy nhất, mọi công việc kế toán đều được thực hiện tại đây.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ hệ thống kế toán tại công ty.



Chức năng nhiệm vụ kế toán:

- Kế toán trưởng: tổ chức điều hành công việc của phòng kế toán, có trách nhiệm chỉ đạo công việc cho các nhân viên, quản lý tài chính của công ty. Kế toán trưởng là người lập báo cáo tài chính và trực tiếp báo cáo các thông tin kinh tế với nhà nước, giám đốc và cơ quan chức năng khi được yêu cầu.
- Kế toán doanh thu: là kế toán theo dõi tình hình bán hàng, tổng hợp doanh thu, theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho.
- Kế toán tổng hợp: theo dõi các vấn đề liên quan đến vấn đề tình hình tài chính tổng hợp số liệu do các kế toán của từng bộ phận cung cấp để vào sổ cái, lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
- Thủ quỹ: theo dõi cập nhập đầy đủ, chính xác, kịp thời thu, chi, tồn quỹ tiền mặt vào sổ quỹ và báo cáo cho ban giám đốc, kế toán trưởng về tình hình Quỹ tiền mặt của doanh nghiệp theo hàng tháng, hàng quý.

2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại công ty.

Công ty TNHH Trung Trang tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng - Bộ Tài chính.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán tại công ty.

Công ty TNHH Trung Trang tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng - Bộ Tài chính.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán tại công ty.

- Công ty đang áp dụng hệ thống Báo cáo tài chính theo chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng - Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán, kiểm toán do Bộ tài chính ban hành, kì lập báo cáo là năm.
- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 –DNN).
- Báo cáo kết quả hoạt động kinhdoanh (Mẫu số B02-DNN).
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DNN).
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DNN).

Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: Bảng cân đối số phát sinh,

2.1.3.5. Các chính sách và phương pháp kế toán tại công ty.

- + Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- + Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng.
- + Phương pháp kế toán hàng tồn kho thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên, hàng tồn kho được ghi sổ theo giá gốc.
- + Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- + Phương pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo nguyên tắc giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.
- + Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo quyết định số 203/2009/QĐ-BTC của Bộ trưởng - Bộ Tài chính.
- + Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- + Hàng quý, năm kế toán kế toán lập báo cáo tổng hợp.

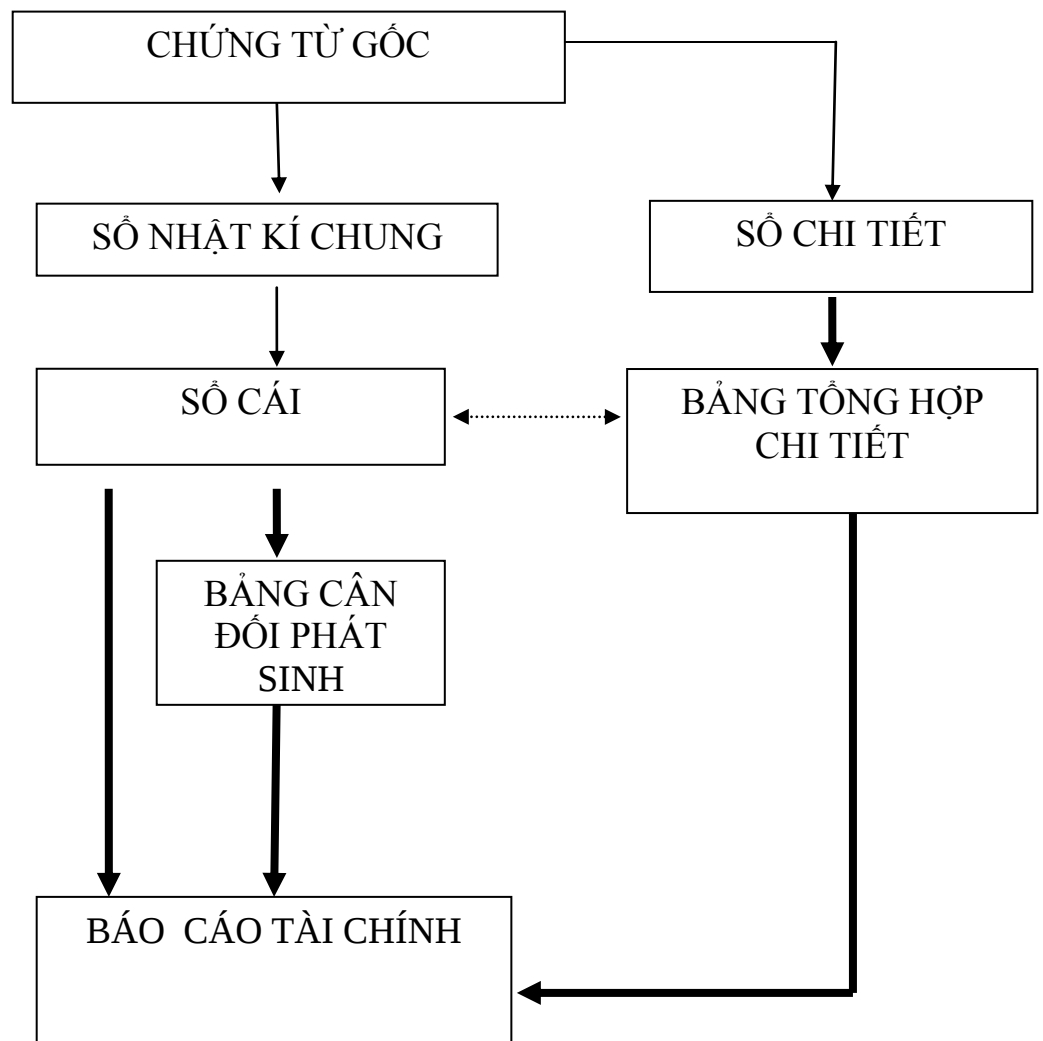
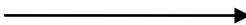
2.1.3.6. Hình thức sổ kế toán tại công ty.

Do đặc điểm sản xuất kinh doanh hiện nay Công ty TNHH Trung Trang áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung”(sơ đồ 2.3).

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu ghi trên Nhật ký chung, kế toán phản ánh các số liệu đó vào sổ cái tài khoản có liên quan.

- Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các Sổ chi tiết tài khoản.
- Cuối tháng tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập sổ tổng hợp chi tiết.
- Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái, lập Bảng cân đối tài khoản.
- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết.
- Cuối cùng, lập Bảng cân đối tài khoản làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung đó là: Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty.**Ghi chú:**Ghi hàng ngày: Ghi cuối tháng hoặc định kì: Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.****2.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Trung Trang.****2.2.1.1. Phương thức bán hàng và thanh toán tại công ty.****✓ Phương thức bán hàng**

Công ty TNHH Trung Trang có 2 phương pháp bán hàng chủ yếu là:

- Bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng, cho các cửa hàng tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Bán hàng thông qua các cửa hàng đại lý, các trung tâm tiêu thụ sản phẩm của công ty tại Hải Phòng.

✓ **Phương thức thanh toán**

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.
- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.
- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người này sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi công ty thực hiện giao hàng xong, bản thân người bán ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là tiền ghi sổ chứ không phải là tiền thực tế.

2.2.1.2. Tài khoản và chứng từ sử dụng tại công ty.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

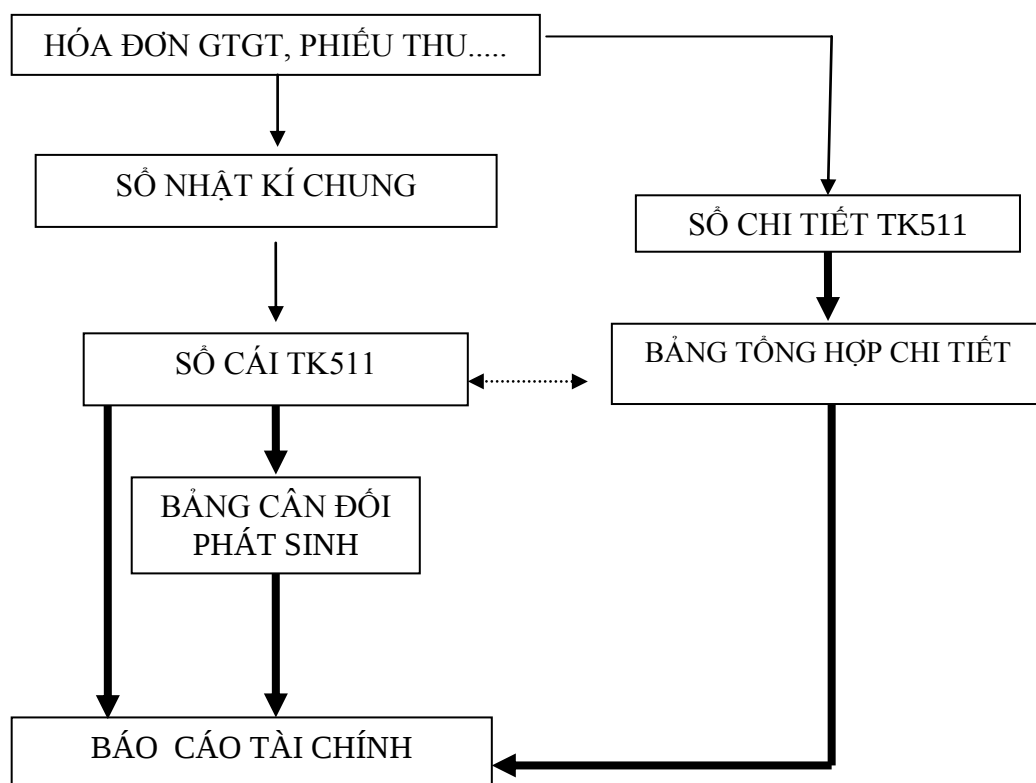
- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 111, 112 : Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- Các tài khoản có liên quan....

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01GTKT/001)
- Các chứng từ thanh toán(Phiếu thu, Giấy báo có,...)
- Các chứng từ khác có liên quan....

❖ **Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty.**

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Trung Trang được khái quát qua sơ đồ 2.4:

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ ghi sổ kế toán tại công ty.**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kì: $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK511. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK 511.

- Cuối quý, năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ Sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.3 Ví dụ minh họa.

Ví dụ 1: Ngày 18/12/2012. Công ty bán 30 thùng sơn Mykolor Hi-Filler EX(20kg) cho công ty TNHH MTV công trình công cộng và xây dựng HP. Trị giá bán chưa VAT 10% là 10.020.000 đồng, đã thu bằng tiền mặt.

Ví dụ 2: Ngày 19 tháng 12 năm 2012. Công ty TNHH DVTM và TTNT Anh Minh mua 30 thùng sơn Mykolor touch ilka (17L). Tổng trị giá chưa VAT là 7.500.000 đồng, đã thanh toán bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào các nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán viết Hóa đơn GTGT số 0002239, số 0002242 (*biểu số 2.1, biểu số 2.2*) và Phiếu thu (*biểu số 2.3 và 2.4*)
- Từ Hóa đơn GTGT số 0002239, số 0002242 (*biểu số 2.1, biểu số 2.2*) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (*biểu số 2.8*) ,đồng thời ghi vào Sổ chi tiết TK511(*biểu số 2.5 và 2.6*).
- Từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 511(*biểu số 2.9*)
- Căn cứ vào Sổ chi tiết TK511 cuối quý kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết TK511(*biểu số 2.7*).

Biểu số 2.1: Trích Hóa đơn GTGT0002239

CÔNG TY TRÁCH	HÓA ĐƠN	Mẫu số : 01GTKT3/001
NHIỆM HỮU HẠN	GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Ký hiệu :AA/11P
TRUNG TRANG	Liên 3: Nội bộ	Số: 0002239

Ngày 18 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUNG TRANG

Mã số thuế: 0200636723

Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt, phường Hồ Nam, quận Lê Chân. thành phố Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: 031.3710413

Họ tên người mua hàng:

Tên khách hàng: Công ty TNHH MTV công trình công cộng và xây dựng HP

Mã số thuế: 0200534915

Địa chỉ: Số 12/35 Trần Nhân Tông-Kiến An-HP

Hình thức thanh toán: TM MST:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Mykolor Hi-Filler EX(20kg)	Thùng	30	334.000	10.020.000
Cộng tiền hàng :					10.020.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.002.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					11.022.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn					

Người mua
(Ký và ghi rõ họ tên)Người bán hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán của công ty)

Biểu số 2.2: Trích Hóa đơn GTGT0002242

CÔNG TY TRÁCH	HÓA ĐƠN	Mẫu số : 01GTKT3/001
NHIỆM HỮU HẠN	GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Ký hiệu :AA/11P
TRUNG TRANG	Liên 3: Nội bộ	Số: 0002242

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUNG TRANG

Mã số thuế: 0200636723

Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt, phường Hồ Nam, quận Lê Chân. thành phố Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: 031.3710413

Họ tên người mua hàng:

Tên khách hàng: Công ty TNHH DVTM và TTNT Anh Minh

Mã số thuế: 0200811291

Địa chỉ: Số 2A Dư Hàng-Lê Chân-HP

Hình thức thanh toán: TM MST:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Mykolor touch ilka(17l)	Thùng	30	250.000	7.500.000
Cộng tiền hàng :					7.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			750.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					8.250.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn					

Người mua
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán của công ty)

Biểu số 2.3: Trích Phiếu thu

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang
Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt, phường Hồ Nam ,
quận Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số:02-TT
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU
 Ngày 18 tháng 12 năm 2012

Quyển số:
 Số :30/12
 Nợ TK 111: 11.022.000
 Có TK 511:10.020.000
 Có TK 3331:1.002.000

Họ và tên người nộp tiền : Nguyễn Ngọc Mai
 Địa chỉ: Công ty TNHH MTV công trình công cộng và xây dựng HP - Số 12/35
 Trần Nhân Tông-Kiến An-HP.

Lý do nộp : Thu tiền bán hàng
 Số tiền : 11.022.000
 Số tiền viết bằng chữ : Mười một triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng
 Kèm theo : 01 Chứng từ gốc
 Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười một triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn

Ngày 18 tháng 12 năm 2012.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký, họ tên)	(ký,họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán của công ty)

Biểu số 2.4: Trích Phiếu thu

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang
Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt, phường Hồ Nam ,
quận Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số:02-TT
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU
Ngày 19 tháng 12 năm 2012

Quyển số:
Số :35/12
Nợ TK 111: 8.250.000
Có TK 511:7.500.000
Có TK 3331:750.000

Họ và tên người nộp tiền : Bùi Ngọc Linh
Địa chỉ: Công ty TNHH DVTM và TTNT Anh Minh- Số 2A Dư Hàng-Lê Chân-HP
Lý do nộp : Thu tiền bán hàng
Số tiền : 8.250.000
Số tiền viết bằng chữ : Tám triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng
Kèm theo : 01 Chứng từ gốc
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười tám triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn

Ngày 19 tháng 12 năm 2012.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký, họ tên)	(ký,họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán của công ty)

Biểu số 2.5: Trích Sổ chi tiết bán hàng**Công ty TNHH Trung Trang****Số 123 Cát Cụt, phường Hồ Nam, quận Lê Chân – Hải Phòng****Mẫu số S17 – DNN***(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Năm: 2012

Tài khoản: 511

Tên sản phẩm: Mykolor Hi-Filler EX(20kg)

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(5211, 5212,5213)
		Tháng 12/2012						
HĐ0002218	02/12	Bán cho cty TNHH XD Hoàng Lộc	111	27	334.000	9.018.000		
HĐ0002219	03/12	Bán cho cty TNHH Nam Hằng	111	57	334.000	19.038.000		
...			...	...	...	...		
HĐ0002239	18/12	Bán Cty TNHH MTV công trình công cộng và xây dựng HP	111	30	334.000	10.020.000		
HĐ0002240	19/12	Bán Cty TNHH XD và TM Hoàng Trường	111	60	334.000	20.040.000		
...	...	...			...			
		Cộng tháng 12		355	334.000	118.570.000		
		Cộng lũy kế		1678		904.194.459		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán của công ty)

Biểu số 2.6: Trích Sổ chi tiết bán hàng**Công ty TNHH Trung Trang****Số 123 Cát Cụt, phường Hồ Nam, quận Lê Chân – Hải Phòng****SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Năm: 2012

Tài khoản: 511

Tên sản phẩm: Mykolor touch ilka(17l)

Mẫu số S17 – DNN*(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QT-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(5211, 5212,5213)
		Tháng 12/2012						
HĐ0002222	05/12	Bán Cty TNHH Lộc Thành	111	17	250.000	9.018.000		
HĐ0002223	06/12	Bán cho cty TNHH may XK Minh Thành	111	29	250.000	19.038.000		
...			...	...	...	...		
HĐ0002242	19/12	Bán cho cty TNHH DVTM và TTNT Anh Minh	111	30	250.000	7.500.000		
...	...	...			...			
		Cộng tháng 12		150	250.000	37.500.000		
		Cộng lũy kế		567		360.590.300		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán của công ty)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Trích Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng**Công ty TNHH Trung Trang****Số 123 Cát Cụt, phường Hồ Nam, quận Lê Chân – Hải Phòng****BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG
Năm 2012**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Doanh thu		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Mykolor Alkali seal (18l)	Thùng	125		153.030.375
2	Mykolor Alkali seal (4,75l)	Thùng	150		52.385.250
3	Mykolor Hi-Filler EX(20kg)	Thùng	1.678		904.194.459
4	Mykolor touch semigloss forint	Lon	312		24.273.600
5	Mykolor classic finish (18l)	Thùng	1550		850.675.300
6	Mykolor classic finish (4,75l)	Thùng	501		208.883.833
7	Mykolor touch ilka(17l)	Thùng	567		360.590.300
8	Mykolor water seal(3,6l)	Lon	188		123.334.780
9	Mykolor water seal (18l)	Thùng	325		675.512.000
10	Mykolor touch semigloss(1l)	Lon	1.474		140.722.780
11	Mykolor touch semigloss(4l)	Thùng	660		296.512.000
...			...	...	...
	Tổng Cộng				41.114.885.635

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ : Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.8: Trích Nhật ký chung

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang

Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP

Mẫu số:S03a-DNN

(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ nhật ký chung

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Ngày	SH			Nợ	Có
...			Cộng chuyển trang trước	...		
02/12	02/12	PT05/12	Rút tiền từ TK ngân hàng ACB	111 112	10.000.000	10.000.000
...						
05/12	05/12	PN07/12	Nhập kho sơn Mykolor alkali seal (4,75L) bán cho cty CP Hoa Hồng	156 133 331	105.081.000 10.508.100	115.589.100
07/12	07/12	GBN2412	Trả lãi tiền vay Ngân Hàng	635 112	1.617.000	1.617.000
.....						
08/12	08/12	PC20/12	Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông	642 133 111	1.550.000 155.000	1.705.000
09/12	09/12	PC24/12	Chi phí tiếp khách	642 133 111	2,550.000 255.000	2.805.000
09/12	09/12	GBC2112	Bán cho cty CP dịch vụ đầu tư thương mại My Sơn	112 511 3331	196.416.000	178.560.000 17.856.000
.....						
18/12	18/12	UNC133	Trả tiền hàng cho Cty sơn 4 Oranges	331 112	82.425.125	82.425.125
18/12	18/12	PT30/12	Thu tiền bán hàng	111 511 3331	11.022.000	10.020.000 1.002.000
....	...	...	...	...	...	
19/12	19/12	PT35/12	Thu tiền bán hàng	111 511 3331	8.250.000	7.500.000 750.000
.....						
27/12	27/12	PT55/12	Thu tiền bán hàng	111 511 3331	19.238.240	17.489.309 1.748.931
....						
			Tổng cộng phát sinh		342.864.449.493	342.864.449.493

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ : Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.9: Trích Sổ cái doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ:Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****Mẫu số:S03b-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu TK: 511

Năm 2012

Đơn vị tính:Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kì			
			Số phát sinh			
...	...			...	...	...
02/12	PT05/12	02/12	Thu tiền bán hàng	111		9.018.000
02/12	PT06/12	02/12	Thu tiền bán hàng	111		19.038.000
03/12	GBC2023	03/12	Thu tiền bán hàng	112		87.433.500
03/12	PT07/12	03/12	Thu tiền bán hàng	111		11.456.733
...			...		...	...
18/12	PT30/12	18/12	Thu tiền bán hàng	111		10.020.000
...		...	...	...	...	...
19/12	PT35/12	19/12	Thu tiền bán hàng	111		7.500.000
.....			...			
27/12	GBC2412	27/12	Thu tiền bán hàng	112		117.550.000
27/12	PT55/12	27/12	Thu tiền bán hàng			17.489.309
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 130	31/12	K/C doanh thu	911	41.114.885.635	
			Cộng phát sinh		41.114.885.635	41.114.885.635
			Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)*(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)*

2.2.2. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Trung Trang.

2.2.2.1. Nội dung của giá vốn hàng bán tại công ty.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá hàng thực tế xuất kho trong kỳ theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

- Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó nếu không phản ánh đúng giá trị vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch đi.

- Quy định về ghi nhận giá vốn:

+ Việc ghi nhận giá vốn phải tuân theo nguyên tắc: khi phát sinh một khoản doanh thu bán hàng hóa thì mới ghi nhận một khoản giá vốn tương ứng của hàng hóa đó.

+ Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá xuất kho} = \text{Đơn giá xuất kho} \times \text{Số lượng xuất kho}$$

2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng tại công ty.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

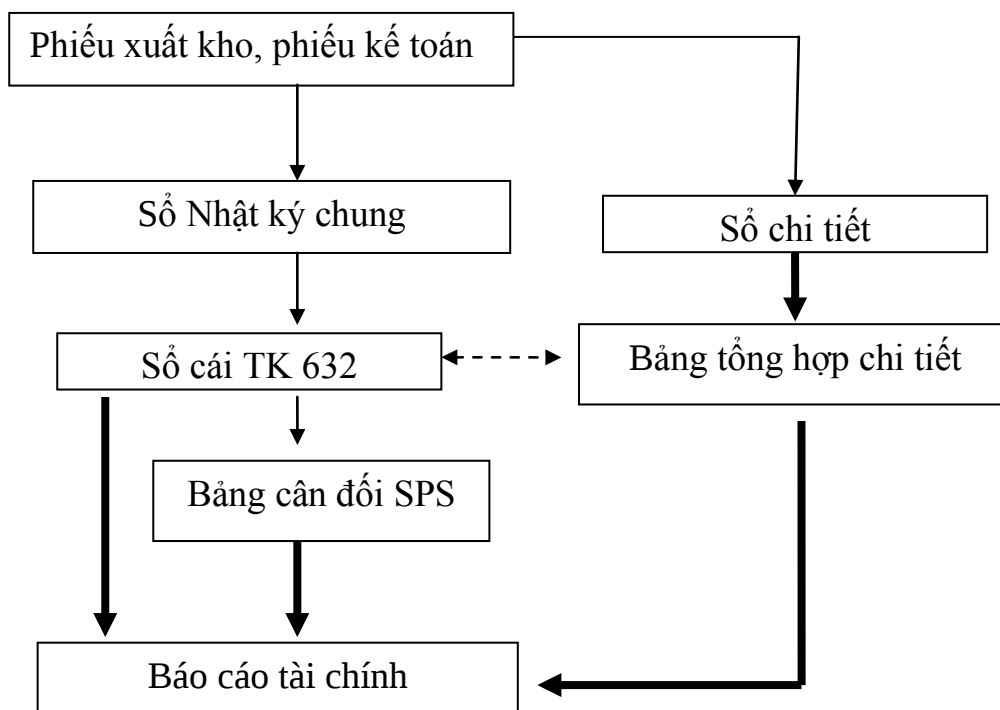
❖ Tài khoản kế toán sử dụng.

- TK 632- Giá vốn hàng bán.
- TK 156- Hàng hóa.

2.2.2.3. Quy trình kế toán giá vốn bán hàng tại Công ty.

Quy trình kế toán giá vốn bán hàng tại Công ty TNHH Trung Trang được khái quát bằng sơ đồ 2.5 như sau:

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ ghi sổ kế toán giá vốn bán hàng tại công ty.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng hoặc định kì: 

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: 

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào Sổ chi tiết. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK632.
- Cuối quý, năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ Sổ chi tiết, kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4. Ví dụ minh họa.

Lấy tiếp ví dụ phần doanh thu bán hàng : Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán của 30 thùng sơn Mykolor Hi-Filler EX(20kg) được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ như sau:

Biết: - Tồn đầu kỳ: Số lượng: 170, Tiền: 37.516.890 đồng

- Nhập trong kỳ: Số lượng: 185, Tiền: 40.791.140 đồng

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{37.516.890 + 40.791.140}{170 + 185} = 220.586 \text{ đồng}$$

$$\text{Trị giá xuất kho} = 30 \times 220.586 = 6.617.580 \text{ đồng}$$

.- Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 15 (*biểu số 2.10*), kế toán ghi vào Thẻ kho (*biểu số 2.11*).

- Căn cứ vào Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa lập Phiếu kế toán (*biểu số 2.13*) ghi vào sổ Nhật ký chung (*biểu số 2.14*), từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 632 (*biểu số 2.15*).

- Cuối quý, căn cứ vào Thẻ kho kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa (*biểu số 2.12*).

Biểu số 2.10: Trích Phiếu xuất kho sơn
Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang
Bộ phận: Bán hàng

Mẫu số:02-VT
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
 Ngày 18 tháng 12 năm 2012
 Số CT:15/12
 Nợ TK632
 Có TK156

- Họ và tên: Phạm Kim Yên
- Lý do xuất: xuất bán hàng hóa
- Xuất tại kho: kho hàng hóa
- Địa điểm: Số 123 Cát Cụt-Lê Chân- HP

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Mykolor Hi-Filler EX(20kg))	24078045	Thùng	30	30		
	Cộng						

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ):
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 18 tháng 12 năm 2012.

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.11: Trích Thẻ kho**Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ:Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****THẺ KHO**

Tài khoản: 156

Tên sản phẩm: Mykolor HI- Filler Ex (20 kg)

Năm 2012

Đơn vị tính: Thùng

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Chú ý xác nhận
Ngày	SH		Nhập	Xuất	Tồn	
		Số dư đầu kì T1/2012			132	
...	...					
		Số dư đầu kì T12/2012			170	
		Số phát sinh T12/2012				
10/12	PN22/12	Nhập kho hàng hóa	14			
11/12	PN23/12	Nhập kho hàng hóa	29			
...	...		...			
18/12	PX15/12	Xuất kho hàng hóa		30		
19/12	PX25/12	Xuất kho hàng hóa		87		
19/12	PN40/12	Nhập kho hàng hóa	12			
20/12	PN41/12	Nhập kho hàng hóa	5			
...	...	...	...			...
27/12	PX45/12	Xuất kho hàng hóa		52		
....			...			...
		Cộng số phát sinh T12	185	355		
		Cộng lũy kế	1546	1678		
		Tồn cuối kỳ			-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.12: Trích Bảng tổng hợp chi tiết**Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****Mẫu số:S08-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ**

Tài khoản: 156

Tháng 12 năm 2012

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, hàng hóa	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Son Falux	105.195			105.195
2	Mykolor HI- Filler Ex (20 kg)	37.516.890	40.791.140	78.308.030	—
3	Mykolor HI- Filler Ex (40 kg)	17.934.408	152.006.400		169.940.808
4	Mykolor HI- Filler IN (20 kg)	24.425.840	19.758.544	44.184.384	—
					
10	Mykolor Classic finish (4,75L)	103.200.151	37.161.600		140.361.751
11	Mykolor Classic finish (18L)	40.191.095	34.257.500	40.946.730	33.501.595
12	Mykolor Untra finish(4,75L)	44.958.253	27.749.000		72.707.253
13	Mykolor Semigloss finish (18L)	393.713.470	736.948.000	406.494.387	724.167.470
					
65	Expo prime (18L)	400.000			400.000
66	Mykolor water seal (18)	137.345.500	32.873.500	36.475.500	133.743.000
	Cộng	6.797.525.735	3.313.166.030	4.376.100.217	5.734.591.548

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

*(Nguồn số liệu trích từ : Phòng kế toán công ty)***Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Trích Phiếu kế toán**Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ:Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 129

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Trị giá xuất kho tháng 12/2012	632	156	4.376.100.217	
Cộng			4.376.100.217	

Người lập
(ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(ký,họ tên)*(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)*

Biểu số 2.14: Trích Nhật ký chung**Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****Mẫu số:S03a-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***Sổ nhật ký chung**

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Ngày	SH			Nợ	Có
...			Cộng chuyển trang trước	...		
02/12	02/12	PT05/12	Rút tiền từ TK ngân hàng ACB	111 112	10.000.000	10.000.000
...						
05/12	05/12	PN07/12	Nhập kho sơn Mykolor alkali seal (4,75L) bán cho cty CP Hoa Hồng	156 133 331	105.081.000 10.508.100	115.589.100
07/12	07/12	GBN2412	Trả lãi tiền vay Ngân Hàng	635 112	1.617.000	1.617.000
.....						
08/12	08/12	GBN2315	Nhập bột bả của CTy TNHH SX và TM Nam Phương	156 133 112	432.384.000 43.238.400	475.622.400
09/12	09/12	PC24/12	Chi phí tiếp khách	642 133 111	2,550.000 255.000	2.805.000
09/12	09/12	GBC2112	Bán cho cty CP dịch vụ đầu tư thương mại My Sơn	112 511 3331	196.416.000	178.560.000 17.856.000
.....						
18/12	18/12	UNC133	Trả tiền hàng cho Cty sơn 4 Oranges	331 112	82.425.125	82.425.125
....	...	...	...	...	...	
19/12	19/12	PT35/12	Thu tiền bán hàng	111 511 3331	8.250.000	7.500.000 750.000
....						
31/12	31/12	PKT129	Trị giá vốn xuất kho tháng 12	632 156	4.376.100.217	4.376.100.217
....						
31/12	31/12	PKT135	Kết chuyển thuế đầu vào được khấu trừ	3331 133	3.984.475.661	3.984.475.661
			Tổng cộng phát sinh		342.864.449.493	342.864.449.493

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)*(Nguồn số liệu trích từ : Phòng kế toán công ty)*

Biểu số2.15: Trích Sổ cái giá vốn hàng bán

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang
Địa chỉ : Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP

Mẫu số:S03b-DNN
*(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
						
31/1	PKT 120	31/1	Trị giá xuất hàng tháng 1/2012	156		3.888.076.865
29/2	PKT 121	29/2	Trị giá xuất hàng tháng 2/2012	156		1.827.354.192
31/3	PKT 122	31/3	Trị giá xuất hàng tháng 3/2012	156		2.230.381.155
30/4	PKT 123	30/4	Trị giá xuất hàng tháng 4/2012	156		2.730.559.366
31/5	PKT 124	31/5	Trị giá xuất hàng tháng 5/2012	156		4.693.708.657
30/6	PKT 125	30/6	Trị giá xuất hàng tháng 6/2012	156		4.797.659.188
.....						
31/12	PKT 129	31/12	Trị giá xuất hàng tháng 12/2012	156		4.376.100.217
31/12	PKT 130	31/12	Kết chuyển giá vốn	911	43.237.370.435	
			Cộng phát sinh		43.237.370.435	43.237.370.435
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)

2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.**2.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng tại công ty.**

❖ Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT.
- Giấy báo nợ của ngân hàng.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 6421 – Chi phí bán hàng
- TK 6422– Chi phí quản lý doanh nghiệp

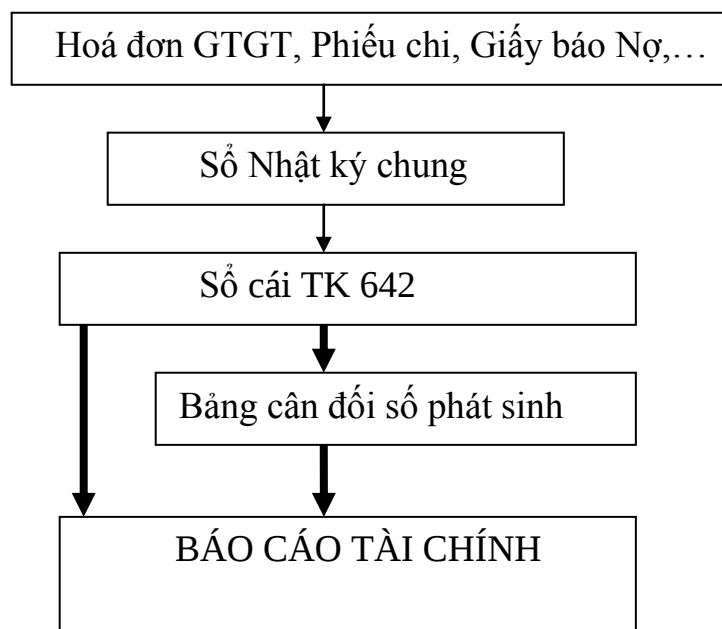
2.2.3.2. Sổ sách sử dụng.

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK642.

2.2.3.3. Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty.

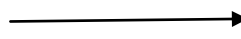
Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang được khái quát bằng sơ đồ 2.6 như sau:

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty.

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:



- Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT (*liên 2*), phiếu chi, bảng thanh toán lương,...kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung.
- Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 642.
- Cuối quý, năm kế toán cộng số liệu trên Sổ cái TK 642 để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

2.2.3.4 Ví dụ minh họa.

Ví dụ: Ngày 08/12/2012 Công ty thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông cho Tập đoàn viễn thông Quân đội Hải Phòng với số tiền là 1.705.000VNĐ(bao gồm VAT 10%).

- Từ Hóa đơn GTGT số1317928 (*biểu số 2.16*) và Phiếu chi số 20/12(*biểu số2.17*) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (*biểu số 2.18*).
- Từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 642 (*biểu số 2.19*).

Biểu số 2.16: Trích Hóa đơn GTGT dịch vụ

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) Mẫu số: 01GTKT-2LN-03
 TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Ký hiệu: AC/2011T
 Liên 2: Giao khách hàng Số: **0008799**

Mã số thuế: 0200287977

TT Dịch vụ khách hàng- VTHP- Số 5 Nguyễn Tri Phương- Hồng Bàng- Hải Phòng

Tên khách hàng (customer's name): Công ty TNHH Trung Trang

Địa chỉ (address): Số 123 Cát Cụt, Hồ Nam, Lê Chân. Hải Phòng.....

Số điện thoại (tel): 031.3956223.....Mã số (code): HPG-03-450689(T7HNA2).....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Dịch vụ sử dụng (kind of service)	Thành tiền (amount)
KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 12/2012	1.550.000
a, Cước dịch vụ viễn thông	0
b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c, Chiết khấu + đa dịch vụ	0
d, Khuyến mại	0
e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ(1)	1.550.000
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT (2)	155.000
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán	1.705.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bảy trăm linh lăm nghìn đồng./.

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

(Nguồn trích số liệu từ: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.17:Trích Phiếu chi

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang
Địa chỉ: Số123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP

Mẫu số:02-TT
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI
Ngày 08 tháng 12 năm 2012

Quyển số:
 Số: 20/12
 Nợ 642:1.550.000
 Nợ 133: 155.000
 Có 111: 1.705.000

Họ và tên người nhận tiền : Mai thị Hương

Địa chỉ : Số 5 Nguyễn Tri Phương- Hồng Bàng- Hải Phòng

Lý do :Trả phí cước điện thoại

Số tiền: 1.705.000 (viết bằng chữ): Một triệu bảy trăm linh lăm nghìn đồng./.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc:.....

Đã nhận đủ tiền:.....

Ngày 08 tháng 12 năm 2012.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.18:Trích Nhật ký chung**Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****Mẫu số:S03a-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***Sổ nhật ký chung**

Năm2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Ngày	SH			Nợ	Có
...			Cộng chuyển trang trước	...		
02/12	02/12	PT05/12	Rút tiền từ TK ngân hàng ACB	111 112	10.000.000	10.000.000
...						
05/12	05/12	PN07/12	Nhập kho sơn Mykolor alkali seal (4,75L) bán cho cty CP Hoa Hồng	156 133 331	105.081.000 10.508.100	115.589.100
07/12	07/12	GBN2412	Trả lãi tiền vay Ngân Hàng	635 112	1.617.000	1.617.000
....						
08/12	08/12	PC20/12	Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông	642 133 111	1.550.000 155.000	1.705.000
09/12	09/12	PC24/12	Chi phí tiếp khách	642 133 111	2,550.000 255.000	2.805.000
09/12	09/12	GBC2112	Bán cho cty CP dịch vụ đầu tư thương mại My Son	112 511 3331	196.416.000	178.560.000 17.856.000
....						
18/12	18/12	UNC133	Trả tiền hàng cho Cty sơn 4 Oranges	331 112	82.425.125	82.425.125
18/12	18/12	PT30/12	Thu tiền bán hàng	111 511 3331	11.022.000	10.020.000 1.002.000
....	...	...	...	...	...	
19/12	19/12	PT35/12	Thu tiền bán hàng	111 511 3331	8.250.000	7.500.000 750.000
....						
31/12	31/12	PKT135	Kết chuyển thuế đầu vào được khấu trừ	3331 133	3.984.475.661	3.984.475.661
			Tổng cộng phát sinh		342.864.449.493	342.864.449.493

Ngày 31 tháng 12 năm2012.

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ : Phòng kế toán công ty)

Biểu số2.19 : Trích Sổ cái chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang
Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê
Chân-HP

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu TK: 642

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kì			
			Số phát sinh			
01/12	HĐ 0044100	1/12	Mua văn phòng phẩm - CH Đào Thị Chiến	131	2.019.000	
01/12	HĐ 0012163	1/12	Sửa xe ô tô- DNTN Trọng Thiện	131	1.050.000	
02/12	PC08/12	2/12	Mua xăng Mogas 92- Cty CP ô tô khách HP	111	10.980.000	
03/12	PC12/12	3/12	Trả tiền cước điện thoại- Bưu điện Hải Phòng	111	2.175.200	
...		...				
08/12	PC20/12	08/12	Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông	111	1.550.000	
09/12	PC24/12	09/12	Chi tiền tiếp khách	111	2.550.000	
10/12	PC26/12	10/12	Thanh toán tiền nước	111	2.511.000	
...					...	
21/12	PC45/12	21/12	Sửa chữa máy tính- Cty TNHH MT Sơn Đạt	111	180.000	
...	...	...	...			
31/12	PKT131	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911		534.822.066
			Cộng phát sinh		534.822.066	534.822.066
			Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)

2.2.4. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Trung Trang.

2.2.4.1. Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty.

Hoạt động của công ty chủ yếu chú trọng vào việc cung cấp các loại sơn. Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh. Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do tiền lãi nhận được từ thưởng chiết khấu bán hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng cho khoản vay dài hạn và phí chuyển tiền.

2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng tại công ty.

❖ Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

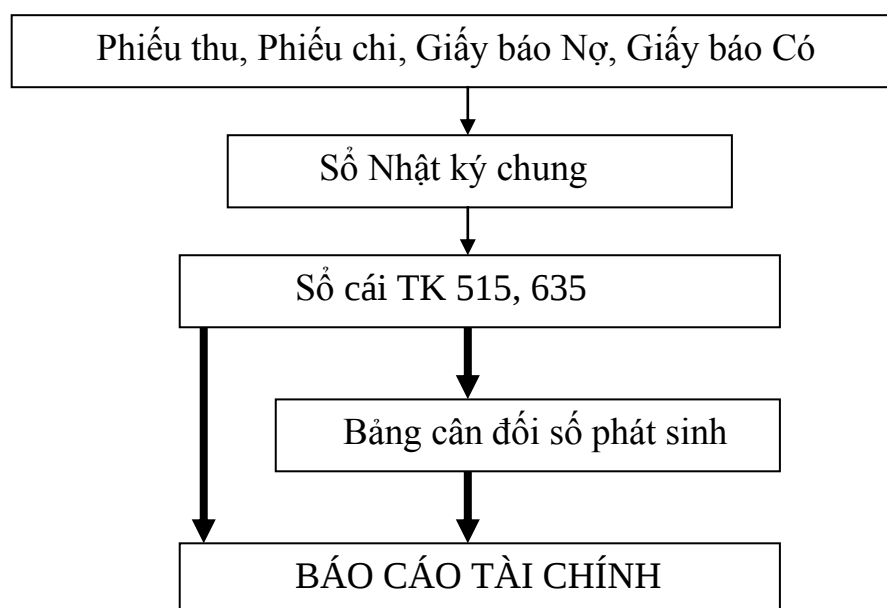
❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

2.2.4.3. Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty.

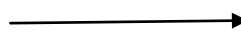
Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.6 như sau:

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:



- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK 515, 635.
- Cuối quý, năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.2.4.4. Ví dụ minh họa.

Ví dụ 1: Ngày 07/12/2012, Công ty trả Ngân hàng Á Châu ACB lãi tiền vay tháng 12 năm 2012, số tiền 1.617.000 VNĐ.

Ví dụ 2: Ngày 14/12/2012: Công ty thu lãi từ tiền gửi ngân hàng ACB. Số tiền 348.370VNĐ.

- Căn cứ vào GBN số 2412 (biểu số 2.20) và GBC2512 (biểu số 2.21).
- Từ các chứng từ, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22).
- + Từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 635, 515 (biểu số 2.23 và 2.24)

Biểu số 2.20: Trích Giấy báo nợ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV : BATCH
Mã KH : 10367

GIẤY BÁO NỢ

Số GD : 2412

Ngày 07/12/2012

Kính gửi : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUNGTRANG

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ	:	3409899
Số tiền bằng số	:	1.617.000
Số tiền bằng chữ	:	Một triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng.
Nội dung : THU LÃI TIỀN VAY		



GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.21: Trích Giấy báo có

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

Mã GDV :

ASIA COMMERCIAL BANK

Mã KH :

GIẤY BÁO CÓ

Số GD :2517

Ngày 14/12/2012

Kính gửi : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUNG TRANG

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 3309879

Số tiền bằng số : 348.370

Số tiền bằng chữ : [+] Ba trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi đồng.

Nội dung : LÃI NHẬP GỐC



GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.22:Trích Nhật ký chung**Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****Mẫu số:S03a-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***Sổ nhật ký chung**

Năm2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Ngày	SH			Nợ	Có
...			Cộng chuyển trang trước	...		
02/12	02/12	PT05/12	Rút tiền từ TK ngân hàng ACB	111 112	10.000.000	10.000.000
...						
05/12	05/12	PN07/12	Nhập kho sơn Mykolor alkali seal (4,75L) bán cho cty CP Hoa Hồng	156 133 331	105.081.000 10.508.100	115.589.100
07/12	07/12	GBN2412	Trả lãi tiền vay Ngân Hàng	635 112	1.617.000	1.617.000
.....						
08/12	08/12	PC20/12	Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông	642 133 111	1.550.000 155.000	1.705.000
09/12	09/12	PC24/12	Chi phí tiếp khách	642 133 111	2,550.000 255.000	2.805.000
09/12	09/12	GBC2112	Bán cho cty CP dịch vụ đầu tư thương mại My Sơn	112 511 3331	196.416.000	178.560.000 17.856.000
.....						
14/12	14/12	GBC2517	Lãi tiền gửi ngân hàng	112 515	348.370	348.370
...	...					
17/12	17/12	PC35/12	Thanh toán phí vệ sinh	642 133 111	180.000 18.000	198.000
18/12	18/12	UNC133	Trả tiền hàng cho Cty sơn 4 Oranges	331 112	82.425.125	82.425.125
....						
31/12	31/12	PKT135	Kết chuyển thuế đầu vào được khấu trừ	3331 133	3.984.475.661	3.984.475.661
			Tổng cộng phát sinh		342.864.449.493	342.864.449.493

Ngày 31 tháng 12 năm2012.

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)*(Nguồn số liệu trích từ : Phòng kế toán công ty)*

Biểu số 2.23: Trích Sổ cái chi phí tài chính**Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****Mẫu số:S03b-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu TK: 635

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kì			
			Số phát sinh			
						
07/12	GBN 2412	07/12	Trả lãi tiền vay Ngân hàng	112	1.617.000	
						
28/12	GBN 2425	28/12	Phí chuyển tiền qua Ngân hàng	112	29.405	
...	...	...		...		...
31/12	PKT 131	31/12	K/c giá vốn	911		1.756.678.286
			Cộng phát sinh		1.756.678.286	1.756.678.286
			Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ : Phòng kế toán công ty)

Biểu số2.24: Trích Sổ cái doanh thu hoạt động tài chính**Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****Mẫu số:S03b-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
GS			Số dư đầu kì			
			Số phát sinh			
						
14/12	GBC 2512	14/12	Lãi tiền gửi Ngân hàng	112		348.370
						
25/12	GBC 2523	25/12	Lãi tiền gửi Ngân hàng	112		467.867
...	...	...	...	...		
31/12	PKT 130	31/12	K/c doanh thu	911	4.524.752.399	
			Cộng phát sinh		4.524.752.399	4.524.752.399
			Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ : Phòng kế toán công ty)

2.2.5. Tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TrungTrang.**2.2.5.1. Nội dung của chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.****❖ Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

❖ Nội dung xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình.

2.2.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng tại công ty.**❖ Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu kế toán.

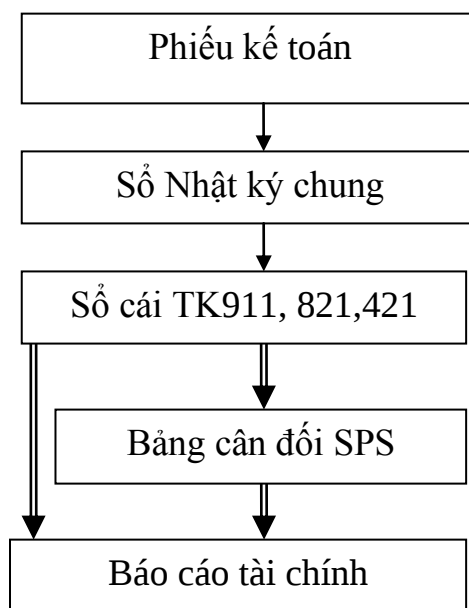
❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.

2.2.5.3. Quy trình kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Quy trình kế toán chi phí thuế TNDN tại Công ty TNHH Trung Trang được khái quát bằng sơ đồ 2.7 như sau:

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ ghi sổ kế toán chi phí thuế TNDN và xác định KQKD tại công ty.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

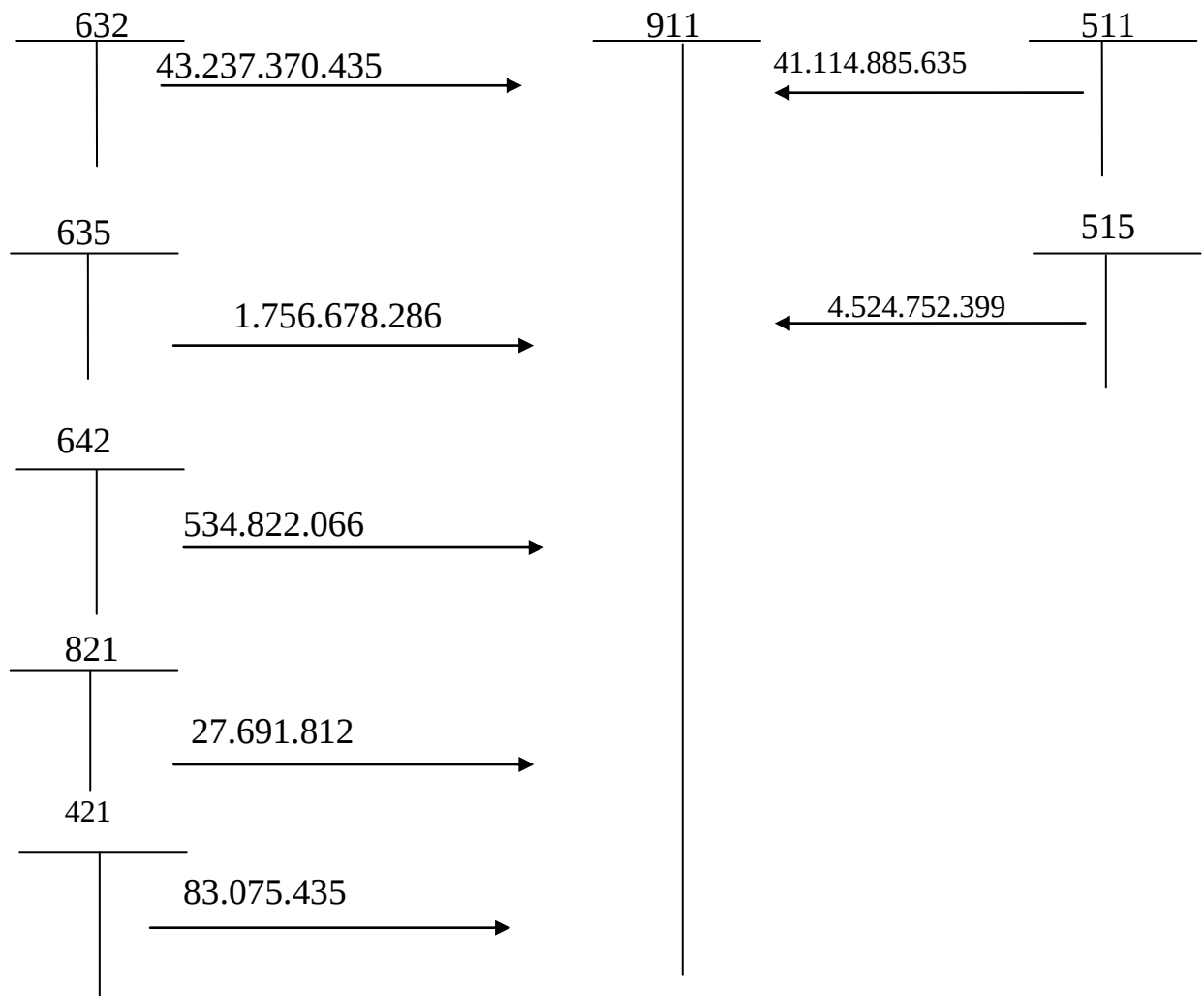
Ghi cuối năm ⇒

Cuối kỳ kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế TNDN phải nộp. Kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản có liên quan.

2.2.5.4 Ví dụ minh họa.

Cuối tháng 12 kế toán Công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán phản ánh các bút toán kết chuyển vào Phiếu kế toán. Từ Phiếu kế toán kế toán vào các sổ sách liên quan.

- Căn cứ vào Phiếu kế toán (biểu số 2.25) kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.26).
- Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK911,421,821 (biểu số 2.27, 2.28, 2.29).

Sơ đồ 2.8: Bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.**Biểu số 2.25: Trích Phiếu kế toán****Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 130

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c doanh thu bán hàng	511	911	41.114.885.635	
K/c doanh thu hđ tài chính	515	911	4.524.752.399	
Cộng			45.639.638.034	

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang**Địa chỉ:Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 131

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c giá vốn hàng bán	911	632	43.237.370.435	
K/c chi phí tài chính	911	635	1.756.678.286	
K/c chi phí quản lý DN	911	642	534.822.066	
Cộng			45..528.870.787	

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

*(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)***Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ:Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 132

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN	821	3334	27.691.812	
Cộng			27.691.812	

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang**Địa chỉ:Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 133

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c chi phí thuế TNDN	911	821	27.691.812	
Cộng			27.691.812	

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

*(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)***Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ:Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 134

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c LNST	911	421	83.075.435	
Cộng			83.075.435	

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.26: Trích Nhật ký chung**Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang****Địa chỉ:Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP****Mẫu số:S03a-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***Sổ nhật ký chung**

Năm2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Ngày	SH			Nợ	Có
...			Cộng chuyển trang trước	...		
...						
05/12	05/12	PN07/12	Nhập kho sơn Mykolor alkali seal (4,75L) bán cho cty CP Hoa Hồng	156 133 331	105.081.000 10.508.100	115.589.100
07/12	07/12	GBN2412	Trả lãi tiền vay Ngân Hàng	635 112	1.617.000	1.617.000
.....						
08/12	08/12	PC20/12	Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông	642 133 111	1.550.000 155.000	1.705.000
09/12	09/12	PC24/12	Chi phí tiếp khách	642 133 111	2,550.000 255.000	2.805.000
...				...	...	
31/12	31/12	PKT130	K/c doanh thu BH	511 911	41.114.885.635	41.114.885.635
31/12	31/12	PKT130	K /c doanh thu hoạt động TC	515 911	4.524.752.399	4.524.752.399
31/12	31/12	PKT131	K /c giá vốn hàng bán	911 632	43.237.370.435	43.237.370.435
31/12	31/12	PKT131	K /c chi phí tài chính	911 635	1.756.678.286	1.756.678.286
31/12	31/12	PKT131	K /c chi phí quản lý doanh nghiệp	911 642	534.822.066	534.822.066
31/12	31/12	PKT132	Xác định chi phí thuế TNDN	821 3334	27.691.812	27.691.812
31/12	31/12	PKT133	K /c chi phí thuế TNDN	911 821	27.691.812	27.691.812
31/12	31/12	PKT134	K /c lợi nhuận sau thuế	911 421	83.075.435	83.075.435
31/12	31/12	PKT135	Kết chuyển thuế đầu vào được khấu trừ	3331 133	3.984.475.661	3.984.475.661
			Tổng cộng phát sinh		342.864.449.493	342.864.449.493

Ngày 31 tháng 12 năm2012.

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ : Phòng kế toán công ty)

Biểu số2.27:Trích Sổ cái xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang
Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP

Mẫu số:S03b-DNN
*(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 130	31/12	k/c doanh thu BH	511		41.114.885.635
31/12	PKT 130	31/12	k/c doanh thu hoạt động TC	515		4.524.752.399
31/12	PKT 131	31/12	k/c giá vốn hàng bán	632	43.237.370.435	
31/12	PKT 131	31/12	k/c chi phí tài chính	635	1.756.678.286	
31/12	PKT 131	31/12	k/c chi phí quản lý doanh nghiệp	642	534.822.066	
31/12	PKT 133	31/12	k/c chi phí thuế TNDN	821	27.691.812	
31/12	PKT 134	31/12	k/c lợi nhuận sau thuế	421	83.075.435	
			Cộng số phát sinh		45.639.638.034	45.639.638.034
			Số dư cuối kỳ		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ : Phòng kế toán công ty)

Biểu số2.28:Trích Sổ cái chi phí thuế TNDN

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang
Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP

Mẫu số:S03b-DNN
*(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 Số hiệu TK: 821
 Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 132	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN	3334	27.691.812	
31/12	PKT 133	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911		27.691.812
			Cộng số phát sinh		27.691.812	27.691.812
			Số dư cuối kỳ		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ : Phòng kế toán công ty)

Biểu số2.29: Trích Sổ cái lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Trang
Địa chỉ: Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-HP

Mẫu số:S03b-DNN
*(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối
 Số hiệu TK: 421
 Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			261.955.427
			Số phát sinh trong kỳ			
						
31/12	PKT 134	31/12	k/c lợi nhuận sau thuế	421		83.075.435
			Cộng số phát sinh			83.075.435
			Số dư cuối kỳ		-	345.030.862

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích từ : Phòng kế toán công ty)

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG TRANG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trung Trang.

3.1.1. Ưu điểm.

 *Về hình thức kế toán và chứng từ sử dụng:*

- Hình thức kế toán Nhật ký chung mà công ty sử dụng khá phù hợp với mô hình của công ty hiện nay. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách sử dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán viên.

- Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng và có đầy đủ yếu tố cần thiết, đồng thời tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận.

 *Về tổ chức công tác kế toán:*

Công tác kế toán được tổ chức phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty. Công ty luôn chấp hành một cách đầy đủ chính sách, chế độ kế toán, tài chính Nhà nước, các chính sách về giá, thuế. Tổ chức mở sổ phù hợp để phản ánh tình hình biến động của thị trường, đồng thời ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh, nhờ đó góp phần bảo vệ tài sản của Công ty.

 *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

- Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hoá công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán viên.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức quy củ, có kế hoạch sắp xếp chỉ đạo từ trên xuống, các báo cáo được lập nhanh chóng, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý.

- Các phân việc kế toán được phân công tương đối rõ ràng cho từng nhân viên trong phòng kế toán, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các phân hành kế toán với nhau, đảm bảo tính thống nhất cho phạm vi ghi chép. Từ đó tạo điều kiện cho kiểm tra, đối chiếu một cách dễ dàng, phát hiện những sai sót để kịp thời sửa chữa, đảm bảo cung cấp được thông tin, giúp ban lãnh đạo công ty đánh giá được hiệu quả kinh doanh, phù hợp với yêu cầu thị trường.

Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng - Bộ Tài chính. Bên cạnh đó công ty cũng mở theo dõi chi tiết một số tài khoản theo đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, kiểm tra và đối chiếu.

Về thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ:

- Kế toán công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán phát sinh (đã kiểm tra) được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đối với một số tài khoản, kế toán công ty có mở Sổ kế toán chi tiết đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối kỳ cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và lập từ các Sổ kế toán chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Về phương thức hạch toán hàng tồn kho:

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này hoàn toàn phù hợp bởi nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phản ánh, ghi chép và theo dõi thường xuyên sự biến động của hàng hóa.

 Về việc kê khai thuế:

Công ty thực hiện đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ mẫu kê khai tính thuế GTGT do nhà nước quy định.

 Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Từ đó, góp phần giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin một cách chính xác nhất cho ban lãnh đạo của Công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một chỉ tiêu mà các nhà quản lý luôn luôn quan tâm và tìm mọi cách để giảm thiểu chi phí, nâng cao lợi nhuận. Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty. Các kế toán, đặc biệt là kế toán trưởng rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được họ tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành, qua đó phản ánh xác thực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc tổ chức công tác kế toán tại Công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

 Về việc áp dụng phần mềm kế toán:

Tại Công ty TNHH Trung Trang công việc kế toán chủ yếu được tiến hành thủ công và thực hiện trên Excel. Do vậy, các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Không những vậy còn ảnh hưởng đến độ chính xác của các Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

 Về việc áp dụng chính sách ưu đãi:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty đóng vai trò vô cùng quan trọng. Những chính sách ấy sẽ tạo ra sức hấp dẫn với khách hàng

vì tâm lý khách hàng luôn muốn tiêu dùng sản phẩm có thương hiệu, uy tín trên thị trường và được hưởng những chính sách ưu đãi. Nhưng hiện nay, Công ty lại không áp dụng các chính sách ưu đãi như chiết khấu thương mại,... Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp sẽ phần nào làm giảm số lượng khách hàng đến với Công ty, làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, việc thu hồi vốn phục vụ cho quá trình kinh doanh chậm.

 Về hệ thống sổ sách kế toán:

Kế toán không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi chi tiết cho tài khoản 642 theo từng yếu tố chi phí, không phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho từng mặt hàng. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc hạch toán, theo dõi từng yếu tố của chi phí quản lý kinh doanh và không hạch toán lãi (lỗ) từng mặt hàng sẽ ảnh hưởng đến chọn kết cấu mặt hàng để tăng lợi nhuận.

 Về việc áp dụng kế toán quản trị:

Hiện nay, hệ thống kế toán của Công ty vẫn chủ yếu về lĩnh vực kế toán tài chính. Kế toán quản trị chưa được chú trọng, đội ngũ nhân viên kế toán chưa được phân công công việc rõ ràng, cụ thể thành hai nhánh là kế toán tài chính và kế toán quản trị. Do đó, thông tin kế toán phục vụ cho các nhà quản trị công ty vẫn còn nhiều hạn chế.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh nghiệp phải luôn có các chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Chỉ có như vậy doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện không ngừng, đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Trong số đó là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh

doanh tại công ty TNHH Trung Trang chưa hoàn thiện, gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy nên tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành từ đó giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày, lập và phân tích Báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là những người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ kế toán nhà nước ban hành, áp dụng các chuẩn mực kế toán, tiến hành tổ chức hạch toán theo đúng quy định.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.

3.2.3. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang.

Dựa trên những hạn chế đã nêu ra và đã học được em mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm mục đích hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang như sau:

3.2.3.1. Ý kiến thứ 1: Hoàn thiện hệ thống tài khoản và sổ chi tiết.

Do chưa mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh (mẫu số S18- DNN ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng - Bộ Tài chính) nên khi phát sinh khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, kế toán theo dõi chung trên TK 642 mà không theo dõi chi tiết. Việc theo dõi chi phí quản lý kinh doanh theo từng yếu tố sẽ giúp Công ty nắm bắt và quản lý chi phí một cách hiệu quả hơn.

❖ Về hệ thống tài khoản:

Công ty nên mở tiểu khoản cấp 2 cho tài khoản 642, tài khoản này được mở chi tiết thành 2 tiểu khoản, nội dung của các tiểu khoản này bao gồm:

- TK 6421 : Chi phí bán hàng – là khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ...
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp – là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp.

❖ Về sổ chi tiết:

Lấy ví dụ mở cho tài khoản 6422, kế toán mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi chi tiết cho tài khoản 6422 (*biểu số 3.1*), khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán sẽ có thể theo dõi chi tiết từng yếu tố.

Biểu số 3.1 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**Công ty TNHH Trung Trang****Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-Hải Phòng****SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Năm 2012

Tài khoản: 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Mẫu số S18 – DNN*(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ tài khoản				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						CPNVQL		Dịch vụ mua ngoài	CP khác bằng tiền
A	B	C	D	E	1	2		7	8
			Số dư đầu kì						
			Số phát sinh						
05/12	PC10/12	05/12	Phí bốc xếp tại doanh nghiệp	111	800.000			800.000	
05/12	PC11/12	05/12	Chi tiếp khách	111	850.000				850.000
05/12	PC12/12	05/12	Thu cước viễn thông	111				1.550.000	
...		...	...	...	...		...		
25/12	PC52/12	25/12	Chi họp tổng kết	111	1.200.000				1.200.000
31/12	BTTLT12	31/12	Lương nhân viên T12	334	25.000.000	25.000.000			
			Cộng số phát sinh		409.919.066	300.000.000	...	49.235.000	60.684.066
			Số dư cuối kì						

Ngày 31 tháng 12 năm 2012 .

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Một trong những vấn đề quan trọng nhất để tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh là việc lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý, khoa học. Bởi vì, mỗi mặt hàng có tính chất khác nhau nên chi phí quản lý kinh doanh cũng khác nhau. Vì thế không thể sử dụng chung một tiêu thức phân bổ mà phải tùy thuộc vào tính chất của từng khoản mục chi phí để lựa chọn tiêu thức phân bổ thích hợp.

Đối với hình thức kinh doanh của công ty, ta sẽ có tiêu thức phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo doanh số bán như sau:

$$\text{Chi phí QLKD phân bổ cho nhóm hàng thứ } i = \frac{\text{Chi phí QLKD cần phân bổ}}{\text{Tổng doanh số bán}} \times \text{Doanh số bán nhóm hàng thứ } i$$

Khi phân bổ được chi phí quản lý kinh doanh cho từng nhóm hàng, lô hàng tiêu thụ, ta sẽ xác định được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng đó.

Ví dụ : Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho mặt hàng sơn Mykolor Touch Semigloss(4L) là:

Biết :

- + Doanh thu bán hàng : 296.512.000
- + Giá vốn hàng bán: 199.767.575
- + Tổng doanh số bán hàng: 41.114.885.635
- + Tổng chi phí quản lý kinh doanh: 534.822.066
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 409.919.066
- Chi phí bán hàng: 124.903.000

Ta tiến hành phân bổ CPQLKD theo doanh số bán:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí QLDN phân} \\ \text{bổ cho sơn Mykolor} \\ \text{Touch Semigloss(4L)} \end{array} = \frac{409.919.066}{41.114.885.635} \times 296.512.000$$

$$= 2.956.251$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí bán hàng phân} \\ \text{bổ cho sơn Mykolor} \\ \text{Touch Semigloss(4L)} \end{array} = \frac{124.903.000}{41.114.885.635} \times 296.512.000$$

$$= 900.774$$

Biểu số 3.2: Bảng xác định kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng sơn**Công ty TNHH Trung Trang****Số 123 Cát Cụt-Hồ Nam-Lê Chân-Hải Phòng****BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TỪNG MẶT HÀNG****Năm 2012**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mặt hàng	Doanh thu	Giá vốn	Chi phí QLKD		Lãi (Lỗ)	Ghi chú
				6421	6422		
1	Mykolor Water Seal (4,75L)	675.512.000	598.962.062	2.052.139	6.734.915	67.762.884	
2	Mykolor Touch Semigloss(1L)	140.722.780	129.615.330	427.502	1.403.019	9.276.929	
3	Mykolor Touch Semigloss(4L)	296.512.000	199.767.575	900.774	2.956.251	92.887.400	
4	Mykolor HI-Filler Ex (20kg)	904.194.459	899.750.020	2.746.854	9.014.899	(7.317.314)	
...		...	...	...	...	...	
65	Sơn Beauty chống kiềm (1L)	850.675.300	788.979.022	2.584.268	8.481.308	50.630.702	
66	Sơn Kôva	208.883.833	192.080.000	634.568	2.082.590	14.086.675	
	Cộng	41.114.885.635	43.237.370.435	124.903.000	409.919.066	(2.657.306.866)	

Kế toán
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Qua đó, ta thấy là mặt hàng chủ lực của công ty từ đó công ty có những biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ, tiết kiệm chi phí một cách hợp lý. Bên cạnh đó ta có thể biết được mặt hàng nào của công ty kinh doanh không có hiệu quả để đưa ra quyết định có nên tiếp tục kinh doanh mặt hàng đó nữa không.

3.2.3.2. Ý kiến thứ 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

Công ty nên xây dựng chính sách chiết khấu thương mại cho phù hợp với tình hình tiêu thụ tại công ty nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, thu hút thêm nhiều khách hàng.

Cách thực hiện:

- Công ty có thể tự xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng dựa trên sản lượng tiêu thụ, giá vốn, giá bán thực tế của công ty, giá bán của đối thủ cạnh tranh, giá bán bình quân của sản phẩm trên thị trường.
- Công ty cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

– Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào tài khoản 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

– Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

Phương pháp hạch toán:

✓ Khi chiết khấu cho khách hàng:

Nợ TK 5211:.....

Nợ TK 3331:.....

Có TK 131,111,112,....:

✓ Kết chuyển:

Nợ TK 511:.....

Có TK 5211:.....

3.2.3.3. Ý kiến thứ 3: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán.

Một trong những mục tiêu cải cách hệ thống kế toán của Nhà nước là tạo điều kiện cho việc ứng dụng tin học vào hạch toán kế toán, bởi vì tin học đã đang và sẽ trở thành một trong những công cụ quản lý kinh tế hàng đầu. Chính vì vậy, việc sử dụng phần mềm kế toán với công ty là vô cùng cần thiết, cụ thể bởi những lý do sau:

- Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của Công ty.
- Tạo niềm tin vào các Báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.
- Giải phóng các kế toán viên khỏi việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản để họ dành nhiều thời gian cho việc phân tích thông tin và lao động sáng tạo.
- Hạn chế được việc xảy ra nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tính toán số liệu.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như Bravo, Vacom Accounting, VsoftBMS.tradeĐồng thời cũng có một số đơn vị cung cấp các phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA-2012 dùng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ của Công ty cổ phần MISA hoặc phần mềm kế toán FAST của Học viện Tài chính cũng là phần mềm rất hay. Các doanh nghiệp muốn sử dụng phần mềm miễn phí này chỉ cần gửi hồ sơ đăng ký qua email, fax hoặc bưu điện; sau đó nhà cung cấp phần mềm miễn phí sẽ xác nhận và kiểm tra thông tin rồi hẹn ngày đến lấy bộ đĩa cài và hướng dẫn sử dụng cho doanh nghiệp. Một số đơn vị còn ở các khóa đào tạo trực tiếp cho khách hàng.

Sau đây em xin giới thiệu qua về 2 phần mềm kế toán khá phổ biến ở Việt Nam:

Khi công ty sử dụng phần mềm kế toán thì trình tự hạch toán sẽ theo sơ đồ 1.13

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán.
- Máy sẽ tự động chạy các số liệu vào tất cả những sổ sách có liên quan. Đến cuối kỳ, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển.
- Từ đó lập ra các Báo cáo tài chính.

❖ Phần mềm kế toán MISASME.NET 2012

Biểu số 3.3 – Giao diện phần mềm kế toán MISA-2012



Giá của phần mềm MISA 2012: 3.500.000đ/bản

Ưu điểm:

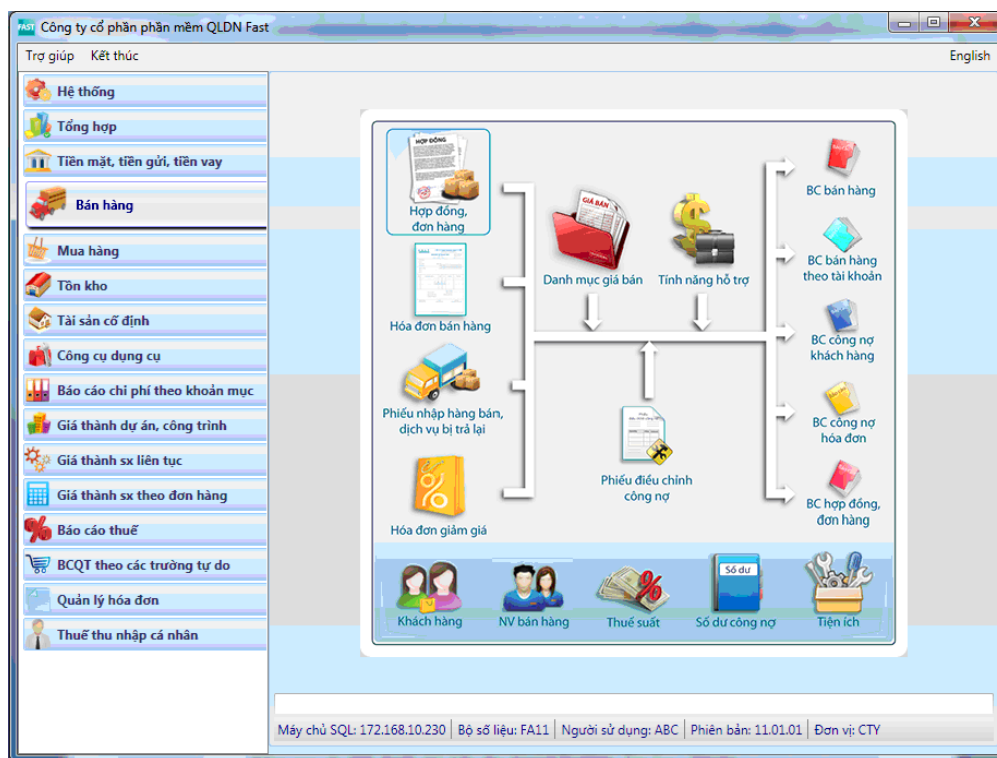
- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hoá đơn cùng một phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm kế toán MISA cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một CSDL độc lập.
- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong MISA rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm:

- Vì có SQL(công cụ quản lý các bảng dữ liệu) nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.
- Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

❖ **Phần mềm kế toán FAST**

Biểu số 3.4 – Giao diện phần mềm kế toán FAST



Giá của phần mềm FAST: 3.500.000đ/bản

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống như MISA, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- Tốc độ xử lý nhanh.

- Cho phép kết xuất ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

3.2.3.4. Áp dụng kế toán quản trị trong công ty.

Kế toán quản trị là quy trình đo lường, tổng hợp, phân tích, lập báo biểu, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp. Giúp cho nhà quản lý xử lý các dữ kiện để đạt được các mục tiêu sau:

- Biết được từng thành phần chi phí, tính toán và tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành cho từng loại sản phẩm, từng loại công trình, dịch vụ.
- Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.
- Kiểm soát, thực hiện và giải trình các nguyên nhân chênh lệch giữa chi phí theo dự toán và thực tế.
- Cung cấp các thông tin cần thiết để có quyết định kinh doanh hợp lý.

Từ những phân tích trên ta có thể áp dụng kế toán quản trị về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cụ thể vào Công ty TNHH Trung Trang như sau:

+ Lập dự toán ngân sách ngắn hạn: dự toán tiêu thụ, kế hoạch sản xuất, chi phí quản lý kinh doanh,... Đây là dự toán ngân sách được lập cho kỳ kế toán thường là một năm và được chia thành từng kỳ ngắn hơn như: từng quý, từng tháng phù hợp với kỳ kế toán của doanh nghiệp nhằm thuận tiện cho việc đánh giá kết quả thực hiện và kế hoạch. Đặc điểm của dự toán này là được lập hàng năm trước khi niên độ kế toán kết thúc, nó định hướng cho hoạt động của doanh nghiệp trong năm tiếp theo.

+ Sau khi các bộ phận trong công ty trực tiếp chịu trách nhiệm lập dự toán ngân sách sản xuất, kinh doanh của bộ phận mình. Phòng kế toán trong công ty có trách nhiệm tổng hợp các dự toán tiến hành kiểm tra và đánh giá thực hiện chi phí, phân tích mối quan hệ giữa doanh thu – chi phí – lợi nhuận giúp các nhà quản trị lựa chọn các quyết định về giá bán sản phẩm, khối lượng sản phẩm sản xuất, kết cấu mặt hàng,... nhằm đạt được mức lợi nhuận mong muốn. Phân tích thông tin thích hợp giúp cho việc ra quyết định lựa chọn các phương án sản xuất kinh doanh như quyết định chấp nhận hay từ chối đơn đặt hàng sản xuất, quyết định nên tự sản xuất hay thuê ngoài gia công,... Áp dụng được vấn đề này sẽ cung cấp cho các nhà quản lý của doanh nghiệp những thông tin linh hoạt, có những giải pháp khác nhau trong việc đầu tư, phát huy những mặt tích cực đã đạt được và khắc phục những mặt còn tồn tại.

Vì vậy, để hệ thống kế toán của công ty có thể phát huy tốt nhất chức năng của mình thì việc tổ chức hệ thống kế toán này theo mô hình hỗn hợp, gồm hai phân hệ kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một hệ thống kế toán là hết sức cần thiết.

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập được tìm hiểu thực tiễn tại công ty TNHH Trung Trang, em có điều kiện tìm hiểu sâu hơn về từng phần hành kế toán đã học, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Em nhận thấy rõ hơn vai trò của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, mỗi doanh nghiệp đều có những đặc điểm riêng vì vậy tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cũng phải có những bước vận dụng linh hoạt từ chế độ kế toán nhà nước vào tình hình cụ thể của đơn vị mình.

Là sinh viên ngành Kế toán – kiểm toán, em luôn nghĩ cần phải nhận thức đầy đủ cả về lý luận và thực tế ở nhiều góc độ khác nhau trong tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Sau một thời gian nghiên cứu em đã nhận thức được nhiều hơn về vấn đề này. Em tin rằng đây sẽ là vốn kiến thức, hành trang quý báu giúp em bước vào đời.

Trên đây là toàn bộ nội dung trong cuốn khoá luận tốt nghiệp với đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trung Trang”***, trong cuốn khoá luận này em đã vận dụng những kiến thức đã học trong trường để hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đã phản ánh được thực trạng công tác kế toán tại công ty. Từ đó, em mạnh dạn đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trung Trang. Tuy nhiên, do kiến thức còn chưa sâu rộng, thời gian còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài khoá luận này được hoàn thành tốt hơn.

Sau cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của giảng viên Thạc sĩ Hoà Thị Thanh Hương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, cũng như Ban lãnh đạo, các cô chú, anh chị phòng kế toán của Công ty TNHH Trung Trang đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo để em có thể hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2013

Sinh viên

Đặng Như Quỳnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- 2.Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa – Nhà xuất bản tài chính
- 3.Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1 và 2) – Nhà xuất bản tài chính
- 4.Lý thuyết và thực hành kế toán – NXB Tài chính Hà Nội
- 5.Giáo trình kế toán tài chính – Trường Học viện tài chính
- 6.Giáo trình nguyên lý kế toán – Nhà xuất bản thống kê.
- 7.Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – PGS.TS. Võ Văn Nhị - Nhà xuất bản tài chính.
- 8.Website : ketoanthue.vn và ketoanthucte.com